Mã	Tên	Cấp	Nghị quyết	Mã TP	Tỉnh / Thành Phố
00004	Phường Ba Đình	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00008	Phường Ngọc Hà	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00025	Phường Giảng Võ	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00070	Phường Hoàn Kiếm	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00082	Phường Cửa Nam	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00091	Phường Phú Thượng	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00097	Phường Hồng Hà	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00103	Phường Tây Hồ	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00118	Phường Bồ Đề	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00127	Phường Việt Hưng	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00136	Phường Phúc Lợi	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00145	Phường Long Biên	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00160	Phường Nghĩa Đô	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00166	Phường Cầu Giấy	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00175	Phường Yên Hòa	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00190	Phường Ô Chợ Dừa	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00199	Phường Láng	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00226	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00229	Phường Kim Liên	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00235	Phường Đống Đa	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00256	Phường Hai Bà Trưng	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00283	Phường Vĩnh Tuy	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00292	Phường Bạch Mai	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00301	Phường Vĩnh Hưng	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00316	Phường Định Công	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00322	Phường Tương Mai	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00328	Phường Lĩnh Nam	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00331	Phường Hoàng Mai	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00337	Phường Hoàng Liệt	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00340	Phường Yên Sở	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00352	Phường Phương Liệt	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00364	Phường Khương Đình	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00367	Phường Thanh Xuân	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00376	Xã Sóc Sơn	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00382	Xã Kim Anh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00385	Xã Trung Giã	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00430	Xã Đa Phúc	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00433	Xã Nội Bài	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00454	Xã Đông Anh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00466	Xã Phúc Thịnh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00475	Xã Thư Lâm	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00493	Xã Thiên Lộc	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00508	Xã Vĩnh Thanh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00541	Xã Phù Đổng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00562	Xã Thuận An	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00565	Xã Gia Lâm	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00577	Xã Bát Tràng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00592	Phường Từ Liêm	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00598	Phường Thượng Cát	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00602	Phường Đông Ngạc	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00611	Phường Xuân Đỉnh	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00613	Phường Tây Tựu	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00619	Phường Phú Diễn	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00622	Phường Xuân Phương	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội

00634	Phường Tây Mỗ	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00637	Phường Đại Mỗ	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00640	Xã Thanh Trì	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00643	Phường Thanh Liệt	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00664	Xã Đại Thanh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00679	Xã Ngọc Hồi	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
00685	Xã Nam Phù	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
04930	Xã Yên Xuân	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
08974	Xã Quang Minh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
08980	Xã Yên Lãng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
08995	Xã Tiến Thắng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09022	Xã Mê Linh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09552	Phường Kiến Hưng	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09556	Phường Hà Đông	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09562	Phường Yên Nghĩa	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09568	Phường Phú Lương	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09574	Phường Sơn Tây	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09604	Phường Tùng Thiện	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09616	Xã Đoài Phương	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09619	Xã Quảng Oai	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09634	Xã Cổ Đô	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09661	Xã Minh Châu	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09664	Xã Vật Lại	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09676	Xã Bất Bạt	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09694	Xã Suối Hai	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09700	Xã Ba Vì	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09706	Xã Yên Bài	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09715	Xã Phúc Thọ	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09739	Xã Phúc Lộc	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09772	Xã Hát Môn	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09784	Xã Đan Phượng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09787	Xã Liên Minh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09817	Xã Ô Diên	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09832	Xã Hoài Đức	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09856	Xã Dương Hòa	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09871	Xã Sơn Đồng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09877	Xã An Khánh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09886	Phường Dương Nội	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09895	Xã Quốc Oai	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09910	Xã Kiều Phú	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09931	Xã Hưng Đạo	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09952	Xã Phú Cát	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09955	Xã Thạch Thất	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09982	Xã Hạ Bằng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
09988	Xã Hòa Lạc	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10003	Xã Tây Phương	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10015	Phường Chương Mỹ	Phường	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10030	Xã Phú Nghĩa	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10045	Xã Xuân Mai	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10072	Xã Quảng Bị	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10081	Xã Trần Phú	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10096	Xã Hòa Phú	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10114	Xã Thanh Oai	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10126	Xã Bình Minh	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10144	Xã Tam Hưng	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10180	Xã Dân Hòa	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10183	Xã Thường Tín	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10210	Xã Hồng Vân	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10231	Xã Thượng Phúc	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10237	Xã Chương Dương	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10273	Xã Phú Xuyên	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10279	Xã Phượng Dực	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10330	Xã Chuyên Mỹ	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội

10342	Xã Đại Xuyên	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10354	Xã Vân Đình	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10369	Xã Ứng Thiên	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10402	Xã Ứng Hòa	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10417	Xã Hòa Xá	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10441	Xã Mỹ Đức	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10459	Xã Phúc Sơn	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10465	Xã Hồng Sơn	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
10489	Xã Hương Sơn	Xã	Số: 1656/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	01	Thành phố Hà Nội
01273	Phường Thục Phán	Phường	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01279	Phường Nùng Trí Cao	Phường	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01288	Phường Tân Giang	Phường	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01290	Xã Bảo Lâm	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01294	Xã Lý Bôn	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01297	Xã Nam Quang	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01304	Xã Quảng Lâm	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01318	Xã Yên Thổ	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01321	Xã Bảo Lạc	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01324	Xã Cốc Pàng	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01327	Xã Cô Ba	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01336	Xã Khánh Xuân	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01339	Xã Xuân Trường	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01351	Xã Hưng Đạo	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01354	Xã Huy Giáp	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01360	Xã Sơn Lộ	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01363	Xã Thông Nông	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01366	Xã Cần Yên	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01387	Xã Thanh Long	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01392	Xã Trường Hà	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01393	Xã Lũng Nặm	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01414	Xã Tổng Cọt	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01438	Xã Hà Quảng	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01447	Xã Trà Lĩnh	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01456	Xã Quang Hán	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01465	Xã Quang Trung	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01477	Xã Trùng Khánh	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01489	Xã Đình Phong	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01501	Xã Đàm Thủy	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01525	Xã Đoài Dương	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01537	Xã Lý Quốc	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01552	Xã Quang Long	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01558	Xã Hạ Lang	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01561	Xã Vinh Quý	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01576	Xã Quảng Uyên	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01594	Xã Độc Lập	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01618	Xã Hạnh Phúc	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01636	Xã Bế Văn Đàn	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01648	Xã Phục Hòa	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01654	Xã Hòa An	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01660	Xã Nam Tuấn	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01699	Xã Nguyễn Huệ	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01708	Xã Bạch Đằng	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01726	Xã Nguyên Bình	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01729	Xã Tĩnh Túc	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01738	Xã Ca Thành	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01747	Xã Minh Tâm	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01768	Xã Phan Thanh	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01774	Xã Tam Kim	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng

01777	Xã Thành Công	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01786	Xã Đông Khê	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01789	Xã Canh Tân	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01792	Xã Kim Đồng	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01795	Xã Minh Khai	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01807	Xã Thạch An	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
01822	Xã Đức Long	Xã	Số: 1657/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	04	Tỉnh Cao Bằng
00691	Phường Hà Giang 2	Phường	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00694	Phường Hà Giang 1	Phường	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00700	Xã Ngọc Đường	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00706	Xã Phú Linh	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00715	Xã Lũng Cú	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00721	Xã Đồng Văn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00733	Xã Sả Phìn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00745	Xã Phố Bảng	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00763	Xã Lũng Phìn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00769	Xã Mèo Vạc	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00778	Xã Sơn Vĩ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00787	Xã Sủng Máng	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00802	Xã Khâu Vai	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00808	Xã Tát Ngà	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00817	Xã Niêm Sơn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00820	Xã Yên Minh	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00829	Xã Thắng Mố	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00832	Xã Bạch Đích	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00847	Xã Mậu Duệ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00859	Xã Ngọc Long	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00865	Xã Đường Thượng	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00871	Xã Du Già	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00874	Xã Quản Bạ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00883	Xã Cán Tỷ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00889	Xã Nghĩa Thuận	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00892	Xã Tùng Vài	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00901	Xã Lùng Tám	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00913	Xã Vị Xuyên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00919	Xã Minh Tân	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00922	Xã Thuận Hoà	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00925	Xã Tùng Bá	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00928	Xã Thanh Thủy	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00937	Xã Lao Chải	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00952	Xã Cao Bồ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00958	Xã Thượng Sơn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00967	Xã Việt Lâm	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00970	Xã Linh Hồ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00976	Xã Bạch Ngọc	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00982	Xã Minh Sơn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00985	Xã Giáp Trung	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00991	Xã Bắc Mê	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
00994	Xã Minh Ngọc	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01006	Xã Yên Cường	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01012	Xã Đường Hồng	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01021	Xã Hoàng Su Phì	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01024	Xã Bản Máy	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01033	Xã Thàng Tín	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01051	Xã Tân Tiến	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01057	Xã Pờ Ly Ngài	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01075	Xã Nậm Dịch	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01084	Xã Hồ Thầu	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01090	Xã Thông Nguyên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01096	Xã Pả Vầy Sủ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01108	Xã Xín Mần	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01117	Xã Trung Thịnh	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01141	Xã Nấm Dẩn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang

01144	Xã Quảng Nguyên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01147	Xã Khuôn Lùng	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01153	Xã Bắc Quang	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01156	Xã Vĩnh Tuy	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01165	Xã Đồng Tâm	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01171	Xã Tân Quang	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01180	Xã Bằng Hành	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01192	Xã Liên Hiệp	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01201	Xã Hùng An	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01216	Xã Đồng Yên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01225	Xã Tiên Nguyên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01234	Xã Yên Thành	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01237	Xã Quang Bình	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01243	Xã Tân Trịnh	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01246	Xã Bằng Lang	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01255	Xã Xuân Giang	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
01261	Xã Tiên Yên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02212	Phường Nông Tiến	Phường	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02215	Phường Minh Xuân	Phường	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02221	Xã Nà Hang	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02239	Xã Thượng Nông	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02245	Xã Côn Lôn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02248	Xã Yên Hoa	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02260	Xã Hồng Thái	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02266	Xã Lâm Bình	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02269	Xã Thượng Lâm	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02287	Xã Chiêm Hoá	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02296	Xã Bình An	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02302	Xã Minh Quang	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02305	Xã Trung Hà	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02308	Xã Tân Mỹ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02317	Xã Yên Lập	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02320	Xã Tân An	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02332	Xã Kiên Đài	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02350	Xã Kim Bình	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02353	Xã Hoà An	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02359	Xã Tri Phú	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02365	Xã Yên Nguyên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02374	Xã Hàm Yên	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02380	Xã Bạch Xa	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02392	Xã Phù Lưu	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02398	Xã Yên Phú	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02404	Xã Bình Xa	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02407	Xã Thái Sơn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02419	Xã Thái Hoà	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02425	Xã Hùng Đức	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02434	Xã Lực Hành	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02437	Xã Kiến Thiết	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02449	Xã Xuân Vân	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02455	Xã Hùng Lợi	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02458	Xã Trung Sơn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02470	Xã Tân Long	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02473	Xã Yên Sơn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02494	Xã Thái Bình	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02509	Phường Mỹ Lâm	Phường	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02512	Phường An Tường	Phường	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02524	Phường Bình Thuận	Phường	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02530	Xã Nhữ Khê	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02536	Xã Sơn Dương	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02545	Xã Tân Trào	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02548	Xã Bình Ca	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02554	Xã Minh Thanh	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02572	Xã Đông Thọ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang

02578	Xã Tân Thanh	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02608	Xã Hồng Sơn	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02611	Xã Phú Lương	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02620	Xã Sơn Thuỷ	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
02623	Xã Trường Sinh	Xã	Số: 1684/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	08	Tỉnh Tuyên Quang
03127	Phường Điện Biên Phủ	Phường	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03151	Phường Mường Lay	Phường	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03158	Xã Sín Thầu	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03160	Xã Mường Nhé	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03162	Xã Nậm Kè	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03163	Xã Mường Toong	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03164	Xã Quảng Lâm	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03166	Xã Mường Chà	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03169	Xã Nà Hỳ	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03172	Xã Na Sang	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03175	Xã Chà Tở	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03176	Xã Nà Bủng	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03181	Xã Mường Tùng	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03193	Xã Pa Ham	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03194	Xã Nậm Nèn	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03199	Xã Si Pa Phìn	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03202	Xã Mường Pồn	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03203	Xã Na Son	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03208	Xã Xa Dung	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03214	Xã Mường Luân	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03217	Xã Tủa Chùa	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03220	Xã Tủa Thàng	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03226	Xã Sín Chải	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03241	Xã Sính Phình	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03244	Xã Sáng Nhè	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03253	Xã Tuần Giáo	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03256	Xã Mường Ảng	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03260	Xã Pú Nhung	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03268	Xã Mường Mùn	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03283	Xã Chiềng Sinh	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03295	Xã Quài Tở	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03301	Xã Búng Lao	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03313	Xã Mường Lạn	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03316	Xã Nà Tấu	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03325	Xã Mường Phăng	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03328	Xã Thanh Nưa	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03334	Phường Mường Thanh	Phường	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03349	Xã Thanh Yên	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03352	Xã Thanh An	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03356	Xã Sam Mứn	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03358	Xã Núa Ngam	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03368	Xã Mường Nhà	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03370	Xã Pu Nhi	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03382	Xã Phình Giàng	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03385	Xã Tìa Dình	Xã	Số: 1661/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	11	Tỉnh Điện Biên
03388	Phường Đoàn Kết	Phường	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03390	Xã Bình Lư	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03394	Xã Sin Suối Hồ	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03405	Xã Tả Lèng	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03408	Phường Tân Phong	Phường	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03424	Xã Bản Bo	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03430	Xã Khun Há	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03433	Xã Bum Tở	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03434	Xã Nậm Hàng	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03439	Xã Thu Lũm	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03442	Xã Pa Ủ	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03445	Xã Mường Tè	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03451	Xã Mù Cả	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu

03460	Xã Hua Bum	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03463	Xã Tả Tổng	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03466	Xã Bum Nưa	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03472	Xã Mường Mô	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03478	Xã Sìn Hồ	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03487	Xã Lê Lợi	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03503	Xã Pa Tần	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03508	Xã Hồng Thu	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03517	Xã Nậm Tăm	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03529	Xã Tủa Sín Chải	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03532	Xã Pu Sam Cáp	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03538	Xã Nậm Mạ	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03544	Xã Nậm Cuổi	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03549	Xã Phong Thổ	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03562	Xã Sì Lở Lầu	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03571	Xã Dào San	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03583	Xã Khổng Lào	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03595	Xã Than Uyên	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03598	Xã Tân Uyên	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03601	Xã Mường Khoa	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03613	Xã Nậm Sỏ	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03616	Xã Pắc Ta	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03618	Xã Mường Than	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03637	Xã Mường Kim	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03640	Xã Khoen On	Xã	Số: 1670/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	12	Tỉnh Lai Châu
03646	Phường Tô Hiệu	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03664	Phường Chiềng An	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03670	Phường Chiềng Cơi	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03679	Phường Chiềng Sinh	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03688	Xã Mường Chiên	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03694	Xã Mường Giôn	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03703	Xã Quỳnh Nhai	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03712	Xã Mường Sại	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03721	Xã Thuận Châu	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03724	Xã Bình Thuận	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03727	Xã Mường É	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03754	Xã Chiềng La	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03757	Xã Mường Khiêng	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03760	Xã Mường Bám	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03763	Xã Long Hẹ	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03781	Xã Co Mạ	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03784	Xã Nậm Lầu	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03799	Xã Muổi Nọi	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03808	Xã Mường La	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03814	Xã Chiềng Lao	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03820	Xã Ngọc Chiến	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03847	Xã Mường Bú	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03850	Xã Chiềng Hoa	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03856	Xã Bắc Yên	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03862	Xã Xím Vàng	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03868	Xã Tà Xùa	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03871	Xã Pắc Ngà	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03880	Xã Tạ Khoa	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03892	Xã Chiềng Sại	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03901	Xã Suối Tọ	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03907	Xã Mường Cơi	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03910	Xã Phù Yên	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03922	Xã Gia Phù	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03943	Xã Mường Bang	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03958	Xã Tường Hạ	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03961	Xã Kim Bon	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03970	Xã Tân Phong	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03979	Phường Mộc Sơn	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La

03980	Phường Mộc Châu	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03982	Phường Thảo Nguyên	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03985	Xã Chiềng Sơn	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
03997	Xã Tân Yên	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04000	Xã Đoàn Kết	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04006	Xã Song Khủa	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04018	Xã Tô Múa	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04033	Phường Vân Sơn	Phường	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04045	Xã Lóng Sập	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04048	Xã Vân Hồ	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04057	Xã Xuân Nha	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04075	Xã Yên Châu	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04078	Xã Chiềng Hặc	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04087	Xã Yên Sơn	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04096	Xã Lóng Phiêng	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04099	Xã Phiêng Khoài	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04105	Xã Mai Sơn	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04108	Xã Chiềng Sung	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04117	Xã Mường Chanh	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04123	Xã Chiềng Mung	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04132	Xã Chiềng Mai	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04136	Xã Tà Hộc	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04144	Xã Phiêng Cằm	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04159	Xã Phiêng Pằn	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04168	Xã Sông Mã	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04171	Xã Bó Sinh	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04183	Xã Mường Lầm	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04186	Xã Nậm Ty	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04195	Xã Chiềng Sơ	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04204	Xã Chiềng Khoong	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04210	Xã Huổi Một	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04219	Xã Mường Hung	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04222	Xã Chiềng Khương	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04228	Xã Púng Bánh	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04231	Xã Sốp Cộp	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04240	Xã Mường Lèo	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
04246	Xã Mường Lạn	Xã	Số: 1681/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	14	Tỉnh Sơn La
02647	Phường Lào Cai	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02671	Phường Cam Đường	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02680	Xã Hợp Thành	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02683	Xã Bát Xát	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02686	Xã A Mú Sung	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02695	Xã Trịnh Tường	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02701	Xã Y Tý	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02707	Xã Dền Sáng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02725	Xã Bản Xèo	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02728	Xã Mường Hum	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02746	Xã Cốc San	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02752	Xã Pha Long	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02761	Xã Mường Khương	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02782	Xã Cao Sơn	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02788	Xã Bản Lầu	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02809	Xã Si Ma Cai	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02824	Xã Sín Chéng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02839	Xã Bắc Hà	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02842	Xã Tả Củ Tỷ	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02848	Xã Lùng Phình	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02869	Xã Bản Liền	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02890	Xã Bảo Nhai	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02896	Xã Cốc Lầu	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02902	Xã Phong Hải	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02905	Xã Bảo Thắng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02908	Xã Tằng Loỏng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai

02923	Xã Gia Phú	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02926	Xã Xuân Quang	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02947	Xã Bảo Yên	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02953	Xã Nghĩa Đô	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02962	Xã Xuân Hòa	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02968	Xã Thượng Hà	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02989	Xã Bảo Hà	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
02998	Xã Phúc Khánh	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03004	Xã Ngũ Chỉ Sơn	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03006	Phường Sa Pa	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03013	Xã Tả Phìn	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03037	Xã Tả Van	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03043	Xã Mường Bo	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03046	Xã Bản Hồ	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03061	Xã Võ Lao	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03076	Xã Nậm Chảy	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03082	Xã Văn Bàn	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03085	Xã Nậm Xé	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03091	Xã Chiềng Ken	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03103	Xã Khánh Yên	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03106	Xã Dương Quỳ	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
03121	Xã Minh Lương	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04252	Phường Yên Bái	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04273	Phường Nam Cường	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04279	Phường Văn Phú	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04288	Phường Nghĩa Lộ	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04303	Xã Lục Yên	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04309	Xã Lâm Thượng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04336	Xã Tân Lĩnh	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04342	Xã Khánh Hòa	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04345	Xã Mường Lai	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04363	Xã Phúc Lợi	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04375	Xã Mậu A	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04381	Xã Lâm Giang	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04387	Xã Châu Quế	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04399	Xã Đông Cuông	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04402	Xã Phong Dụ Hạ	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04423	Xã Phong Dụ Thượng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04429	Xã Tân Hợp	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04441	Xã Xuân Ái	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04450	Xã Mỏ Vàng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04456	Xã Mù Cang Chải	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04462	Xã Nậm Có	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04465	Xã Khao Mang	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04474	Xã Lao Chải	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04489	Xã Chế Tạo	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04492	Xã Púng Luông	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04498	Xã Trấn Yên	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04531	Xã Quy Mông	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04537	Xã Lương Thịnh	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04543	Phường Âu Lâu	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04564	Xã Việt Hồng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04576	Xã Hưng Khánh	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04585	Xã Hạnh Phúc	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04603	Xã Tà Xi Láng	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04606	Xã Trạm Tấu	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04609	Xã Phình Hồ	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04630	Xã Tú Lệ	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai

04636	Xã Gia Hội	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04651	Xã Sơn Lương	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04660	Xã Liên Sơn	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04663	Phường Trung Tâm	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04672	Xã Văn Chấn	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04681	Phường Cầu Thia	Phường	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04693	Xã Cát Thịnh	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04699	Xã Chấn Thịnh	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04705	Xã Thượng Bằng La	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04711	Xã Nghĩa Tâm	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04714	Xã Yên Bình	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04717	Xã Thác Bà	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04726	Xã Cảm Nhân	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04744	Xã Yên Thành	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
04750	Xã Bảo Ái	Xã	Số: 1673/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	15	Tỉnh Lào Cai
01840	Phường Đức Xuân	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01843	Phường Bắc Kạn	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01849	Xã Phong Quang	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01864	Xã Bằng Thành	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01879	Xã Cao Minh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01882	Xã Nghiên Loan	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01894	Xã Phúc Lộc	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01906	Xã Ba Bể	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01912	Xã Chợ Rã	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01921	Xã Thượng Minh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01933	Xã Đồng Phúc	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01936	Xã Nà Phặc	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01942	Xã Bằng Vân	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01954	Xã Ngân Sơn	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01957	Xã Thượng Quan	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01960	Xã Hiệp Lực	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01969	Xã Phủ Thông	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
01981	Xã Vĩnh Thông	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02008	Xã Cẩm Giàng	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02014	Xã Bạch Thông	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02020	Xã Chợ Đồn	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02026	Xã Nam Cường	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02038	Xã Quảng Bạch	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02044	Xã Yên Thịnh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02071	Xã Nghĩa Tá	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02083	Xã Yên Phong	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02086	Xã Chợ Mới	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02101	Xã Thanh Mai	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02104	Xã Tân Kỳ	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02107	Xã Thanh Thịnh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02116	Xã Yên Bình	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02143	Xã Văn Lang	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02152	Xã Cường Lợi	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02155	Xã Na Rì	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02176	Xã Trần Phú	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02185	Xã Côn Minh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
02191	Xã Xuân Dương	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05443	Phường Phan Đình Phùng	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05455	Phường Quyết Thắng	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05467	Phường Gia Sàng	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05482	Phường Quan Triều	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên

05488	Xã Đại Phúc	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05500	Phường Tích Lương	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05503	Xã Tân Cương	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05518	Phường Sông Công	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05528	Phường Bách Quang	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05533	Phường Bá Xuyên	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05542	Xã Lam Vỹ	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05551	Xã Kim Phượng	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05563	Xã Phượng Tiến	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05569	Xã Định Hóa	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05581	Xã Trung Hội	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05587	Xã Bình Yên	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05602	Xã Phú Đình	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05605	Xã Bình Thành	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05611	Xã Phú Lương	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05620	Xã Yên Trạch	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05632	Xã Hợp Thành	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05641	Xã Vô Tranh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05662	Xã Trại Cau	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05665	Xã Văn Lăng	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05674	Xã Quang Sơn	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05680	Xã Văn Hán	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05692	Xã Đồng Hỷ	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05707	Xã Nam Hòa	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05710	Phường Linh Sơn	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05716	Xã Võ Nhai	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05719	Xã Sảng Mộc	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05722	Xã Nghinh Tường	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05725	Xã Thần Sa	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05740	Xã La Hiên	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05746	Xã Tràng Xá	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05755	Xã Dân Tiến	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05773	Xã Phú Xuyên	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05776	Xã Đức Lương	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05788	Xã Phú Lạc	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05800	Xã Phú Thịnh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05809	Xã An Khánh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05818	Xã La Bằng	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05830	Xã Đại Từ	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05845	Xã Vạn Phú	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05851	Xã Quân Chu	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05857	Phường Phúc Thuận	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05860	Phường Phổ Yên	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05881	Xã Thành Công	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05890	Phường Vạn Xuân	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05899	Phường Trung Thành	Phường	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05908	Xã Phú Bình	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05917	Xã Tân Khánh	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05923	Xã Tân Thành	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05941	Xã Điềm Thụy	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05953	Xã Kha Sơn	Xã	Số: 1683/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	19	Tỉnh Thái Nguyên
05977	Phường Đông Kinh	Phường	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
05983	Phường Lương Văn Tri	Phường	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
05986	Phường Tam Thanh	Phường	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06001	Xã Đoàn Kết	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06004	Xã Quốc Khánh	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06019	Xã Tân Tiến	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06037	Xã Kháng Chiến	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06040	Xã Thất Khê	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06046	Xã Tràng Định	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06058	Xã Quốc Việt	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06073	Xã Hoa Thám	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06076	Xã Quý Hòa	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn

06079	Xã Hồng Phong	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06085	Xã Thiện Hòa	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06091	Xã Thiện Thuật	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06103	Xã Thiện Long	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06112	Xã Bình Gia	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06115	Xã Tân Văn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06124	Xã Na Sầm	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06148	Xã Thụy Hùng	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06151	Xã Hội Hoan	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06154	Xã Văn Lãng	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06172	Xã Hoàng Văn Thụ	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06184	Xã Đồng Đăng	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06187	Phường Kỳ Lừa	Phường	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06196	Xã Ba Sơn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06211	Xã Cao Lộc	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06220	Xã Công Sơn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06253	Xã Văn Quan	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06280	Xã Điềm He	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06286	Xã Khánh Khê	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06298	Xã Yên Phúc	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06313	Xã Tri Lễ	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06316	Xã Tân Đoàn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06325	xã Bắc Sơn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06337	Xã Tân Tri	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06349	Xã Hưng Vũ	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06364	Xã Vũ Lễ	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06367	Xã Vũ Lăng	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06376	Xã Nhất Hòa	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06385	Xã Hữu Lũng	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06391	Xã Yên Bình	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06400	Xã Hữu Liên	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06415	Xã Vân Nham	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06427	Xã Cai Kinh	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06436	Xã Thiện Tân	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06445	Xã Tân Thành	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06457	Xã Tuấn Sơn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06463	Xã Chi Lăng	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06475	Xã Bằng Mạc	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06481	Xã Chiến Thắng	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06496	Xã Nhân Lý	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06505	Xã Vạn Linh	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06517	Xã Quan Sơn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06526	Xã Na Dương	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06529	Xã Lộc Bình	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06541	Xã Mẫu Sơn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06565	Xã Khuất Xá	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06577	Xã Thống Nhất	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06601	Xã Lợi Bác	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06607	Xã Xuân Dương	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06613	Xã Đình Lập	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06616	Xã Thái Bình	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06625	Xã Kiên Mộc	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06637	Xã Châu Sơn	Xã	Số: 1672/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	20	Tỉnh Lạng Sơn
06652	Phường Hà Tu	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06658	Phường Cao Xanh	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06661	Phường Việt Hưng	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06673	Phường Bãi Cháy	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06676	Phường Hà Lầm	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06685	Phường Hồng Gai	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06688	Phường Hạ Long	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06706	Phường Tuần Châu	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06709	Phường Móng Cái 2	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06712	Phường Móng Cái 1	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh

06724	Xã Hải Sơn	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06733	Xã Hải Ninh	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06736	Phường Móng Cái 3	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06757	Xã Vĩnh Thực	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06760	Phường Mông Dương	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06778	Phường Quang Hanh	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06781	Phường Cửa Ông	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06793	Phường Cẩm Phả	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06799	Xã Hải Hòa	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06811	Phường Uông Bí	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06820	Phường Vàng Danh	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06832	Phường Yên Tử	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06838	Xã Bình Liêu	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06841	Xã Hoành Mô	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06856	Xã Lục Hồn	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06862	Xã Tiên Yên	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06874	Xã Điền Xá	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06877	Xã Đông Ngũ	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06886	Xã Hải Lạng	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06895	Xã Đầm Hà	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06913	Xã Quảng Tân	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06922	Xã Quảng Hà	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06931	Xã Quảng Đức	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06946	Xã Đường Hoa	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06967	Xã Cái Chiên	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06970	Xã Ba Chẽ	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06979	Xã Kỳ Thượng	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06985	Xã Lương Minh	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
06994	Đặc khu Vân Đồn	Đặc khu	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07030	Phường Hoành Bồ	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07054	Xã Quảng La	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07060	Xã Thống Nhất	Xã	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07069	Phường Mạo Khê	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07081	Phường Bình Khê	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07090	Phường An Sinh	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07093	Phường Đông Triều	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07114	Phường Hoàng Quế	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07132	Phường Quảng Yên	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07135	Phường Đông Mai	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07147	Phường Hiệp Hòa	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07168	Phường Hà An	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07180	Phường Liên Hòa	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07183	Phường Phong Cốc	Phường	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07192	Đặc khu Cô Tô	Đặc khu	Số: 1679/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	22	Tỉnh Quảng Ninh
07210	Phường Bắc Giang	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07228	Phường Đa Mai	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07246	Xã Xuân Lương	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07264	Xã Tam Tiến	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07282	Xã Đồng Kỳ	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07288	Xã Yên Thế	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07294	Xã Bố Hạ	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07306	Xã Nhã Nam	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07330	Xã Phúc Hòa	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07333	Xã Quang Trung	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07339	Xã Tân Yên	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07351	Xã Ngọc Thiện	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07375	Xã Lạng Giang	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07381	Xã Tiên Lục	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07399	Xã Kép	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07420	Xã Mỹ Thái	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07432	Xã Tân Dĩnh	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07444	Xã Lục Nam	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07450	Xã Đông Phú	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh

07462	Xã Bảo Đài	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07486	Xã Nghĩa Phương	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07489	Xã Trường Sơn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07492	Xã Lục Sơn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07498	Xã Bắc Lũng	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07519	Xã Cẩm Lý	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07525	Phường Chũ	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07531	Xã Tân Sơn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07534	Xã Sa Lý	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07537	Xã Biên Sơn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07543	Xã Sơn Hải	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07552	Xã Kiên Lao	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07573	Xã Biển Động	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07582	Xã Lục Ngạn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07594	Xã Đèo Gia	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07603	Xã Nam Dương	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07612	Phường Phượng Sơn	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07615	Xã Sơn Động	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07616	Xã Tây Yên Tử	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07621	Xã Vân Sơn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07627	Xã Đại Sơn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07642	Xã Yên Định	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07654	Xã An Lạc	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07663	Xã Tuấn Đạo	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07672	Xã Dương Hưu	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07681	Phường Yên Dũng	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07682	Phường Tân An	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07696	Phường Tiền Phong	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07699	Phường Tân Tiến	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07735	Xã Đồng Việt	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07738	Phường Cảnh Thụy	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07774	Phường Tự Lạn	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07777	Phường Việt Yên	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07795	Phường Nếnh	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07798	Phường Vân Hà	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07822	Xã Hoàng Vân	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07840	Xã Hiệp Hoà	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07864	Xã Hợp Thịnh	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
07870	Xã Xuân Cẩm	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09169	Phường Vũ Ninh	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09187	Phường Kinh Bắc	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09190	Phường Võ Cường	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09193	Xã Yên Phong	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09202	Xã Tam Giang	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09205	Xã Yên Trung	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09208	Xã Tam Đa	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09238	Xã Văn Môn	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09247	Phường Quế Võ	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09253	Phường Nhân Hòa	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09265	Phường Phương Liễu	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09286	Phường Nam Sơn	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09292	Xã Phù Lãng	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09295	Phường Bồng Lai	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09301	Phường Đào Viên	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09313	Xã Chi Lăng	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09319	Xã Tiên Du	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09325	Phường Hạp Lĩnh	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09334	Xã Liên Bão	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09340	Xã Đại Đồng	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09343	Xã Tân Chi	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09349	Xã Phật Tích	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09367	Phường Từ Sơn	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09370	Phường Tam Sơn	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh

09379	Phường Phù Khê	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09385	Phường Đồng Nguyên	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09400	Phường Thuận Thành	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09409	Phường Mão Điền	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09427	Phường Trí Quả	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09430	Phường Trạm Lộ	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09433	Phường Song Liễu	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09445	Phường Ninh Xá	Phường	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09454	Xã Gia Bình	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09466	Xã Cao Đức	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09469	Xã Đại Lai	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09475	Xã Nhân Thắng	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09487	Xã Đông Cứu	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09496	Xã Lương Tài	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09499	Xã Trung Kênh	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09523	Xã Trung Chính	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
09529	Xã Lâm Thao	Xã	Số: 1658/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	24	Tỉnh Bắc Ninh
04792	Phường Tân Hòa	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04795	Phường Hòa Bình	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04828	Phường Thống Nhất	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04831	Xã Đà Bắc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04846	Xã Đức Nhàn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04849	Xã Tân Pheo	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04873	Xã Quy Đức	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04876	Xã Cao Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04891	Xã Tiền Phong	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04894	Phường Kỳ Sơn	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04897	Xã Thịnh Minh	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04924	Xã Lương Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04960	Xã Liên Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04978	Xã Kim Bôi	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
04990	Xã Nật Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05014	Xã Mường Động	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05047	Xã Cao Dương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05068	Xã Hợp Kim	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05086	Xã Dũng Tiến	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05089	Xã Cao Phong	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05092	Xã Thung Nai	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05116	Xã Mường Thàng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05128	Xã Tân Lạc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05134	Xã Mường Hoa	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05152	Xã Vân Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05158	Xã Mường Bi	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05191	Xã Toàn Thắng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05200	Xã Mai Châu	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05206	Xã Tân Mai	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05212	Xã Pà Cò	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05245	Xã Bao La	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05251	Xã Mai Hạ	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05266	Xã Lạc Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05287	Xã Mường Vang	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05290	Xã Nhân Nghĩa	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05293	Xã Thượng Cốc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05305	Xã Yên Phú	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05323	Xã Quyết Thắng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05329	Xã Ngọc Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05347	Xã Đại Đồng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05353	Xã Yên Thủy	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05362	Xã Lạc Lương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05386	Xã Yên Trị	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05392	Xã Lạc Thủy	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05395	Xã An Nghĩa	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
05425	Xã An Bình	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ

07894	Phường Nông Trang	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07900	Phường Việt Trì	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07909	Phường Thanh Miếu	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07918	Phường Vân Phú	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07942	Phường Phú Thọ	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07948	Phường Âu Cơ	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07954	Phường Phong Châu	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07969	Xã Đoan Hùng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07996	Xã Bằng Luân	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
07999	Xã Chí Đám	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08023	Xã Tây Cốc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08038	Xã Chân Mộng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08053	Xã Hạ Hòa	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08071	Xã Đan Thượng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08110	Xã Hiền Lương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08113	Xã Yên Kỳ	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08134	Xã Văn Lang	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08143	Xã Vĩnh Chân	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08152	Xã Thanh Ba	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08173	Xã Quảng Yên	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08203	Xã Hoàng Cương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08209	Xã Đông Thành	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08218	Xã Chí Tiên	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08227	Xã Liên Minh	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08230	Xã Phù Ninh	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08236	Xã Phú Mỹ	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08245	Xã Trạm Thản	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08254	Xã Dân Chủ	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08275	Xã Bình Phú	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08290	Xã Yên Lập	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08296	Xã Sơn Lương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08305	Xã Xuân Viên	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08311	Xã Trung Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08323	Xã Thượng Long	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08338	Xã Minh Hòa	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08341	Xã Cẩm Khê	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08344	Xã Tiên Lương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08377	Xã Vân Bản	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08398	Xã Phú Khê	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08416	Xã Hùng Việt	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08431	Xã Đồng Lương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08434	Xã Tam Nông	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08443	Xã Hiền Quan	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08467	Xã Vạn Xuân	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08479	Xã Thọ Văn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08494	Xã Lâm Thao	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08500	Xã Xuân Lũng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08515	Xã Hy Cương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08521	Xã Phùng Nguyên	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08527	Xã Bản Nguyên	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08542	Xã Thanh Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08545	Xã Thu Cúc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08560	Xã Lai Đồng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08566	Xã Tân Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08584	Xã Võ Miếu	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08590	Xã Xuân Đài	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08593	Xã Minh Đài	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08611	Xã Văn Miếu	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08614	Xã Cự Đồng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08620	Xã Long Cốc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08632	Xã Hương Cần	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08635	Xã Khả Cửu	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08656	Xã Yên Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ

08662	Xã Đào Xá	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08674	Xã Thanh Thủy	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08686	Xã Tu Vũ	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08707	Phường Vĩnh Yên	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08716	Phường Vĩnh Phúc	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08740	Phường Phúc Yên	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08746	Phường Xuân Hòa	Phường	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08761	Xã Lập Thạch	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08770	Xã Hợp Lý	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08773	Xã Yên Lãng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08782	Xã Hải Lựu	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08788	Xã Thái Hòa	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08812	Xã Liên Hòa	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08824	Xã Tam Sơn	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08842	Xã Tiên Lữ	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08848	Xã Sông Lô	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08866	Xã Sơn Đông	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08869	Xã Tam Dương	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08872	Xã Tam Dương Bắc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08896	Xã Hoàng An	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08905	Xã Hội Thịnh	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08911	Xã Tam Đảo	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08914	Xã Đạo Trù	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08923	Xã Đại Đình	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08935	Xã Bình Nguyên	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08944	Xã Bình Tuyền	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08950	Xã Bình Xuyên	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
08971	Xã Xuân Lãng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09025	Xã Yên Lạc	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09040	Xã Tề Lỗ	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09043	Xã Tam Hồng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09052	Xã Nguyệt Đức	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09064	Xã Liên Châu	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09076	Xã Vĩnh Tường	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09079	Xã Vĩnh An	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09100	Xã Vĩnh Hưng	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09106	Xã Vĩnh Thành	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09112	Xã Thổ Tang	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
09154	Xã Vĩnh Phú	Xã	Số: 1676/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	25	Tỉnh Phú Thọ
10507	Phường Thành Đông	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10525	Phường Hải Dương	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10532	Phường Lê Thanh Nghị	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10537	Phường Tân Hưng	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10543	Phường Việt Hòa	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10546	Phường Chí Linh	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10549	Phường Chu Văn An	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10552	Phường Nguyễn Trãi	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10570	Phường Trần Hưng Đạo	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10573	Phường Trần Nhân Tông	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10603	Phường Lê Đại Hành	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10606	Xã Nam Sách	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10615	Xã Hợp Tiến	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10633	Xã Trần Phú	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10642	Xã Thái Tân	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10645	Xã An Phú	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10660	Phường Ái Quốc	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng

10675	Phường Kinh Môn	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10678	Phường Bắc An Phụ	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10705	Xã Nam An Phụ	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10714	Phường Nhị Chiểu	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10726	Phường Phạm Sư Mạnh	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10729	Phường Trần Liễu	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10744	Phường Nguyễn Đại Năng	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10750	Xã Phú Thái	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10756	Xã Lai Khê	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10792	Xã An Thành	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10804	Xã Kim Thành	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10813	Xã Thanh Hà	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10816	Xã Hà Bắc	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10837	Phường Nam Đồng	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10843	Xã Hà Nam	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10846	Xã Hà Tây	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10882	Xã Hà Đông	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10888	Xã Cẩm Giang	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10891	Phường Tứ Minh	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10903	Xã Cẩm Giàng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10909	Xã Tuệ Tĩnh	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10930	Xã Mao Điền	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10945	Xã Kẻ Sặt	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10966	Xã Bình Giang	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10972	Xã Đường An	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10993	Xã Thượng Hồng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
10999	Xã Gia Lộc	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11002	Phường Thạch Khôi	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11020	Xã Yết Kiêu	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11050	Xã Gia Phúc	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11065	Xã Trường Tân	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11074	Xã Tứ Kỳ	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11086	Xã Đại Sơn	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11113	Xã Tân Kỳ	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11131	Xã Chí Minh	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11140	Xã Lạc Phượng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11146	Xã Nguyên Giáp	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11164	Xã Vĩnh Lại	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11167	Xã Tân An	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11203	Xã Ninh Giang	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11218	Xã Hồng Châu	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11224	Xã Khúc Thừa Dụ	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11239	Xã Thanh Miện	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11242	Xã Nguyễn Lương Bằng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11254	Xã Bắc Thanh Miện	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11257	Xã Hải Hưng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11284	Xã Nam Thanh Miện	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11311	Phường Hồng Bàng	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11329	Phường Ngô Quyền	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11359	Phường Gia Viên	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11383	Phường Lê Chân	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11407	Phường An Biên	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11411	Phường Đông Hải	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng

11413	Phường Hải An	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11443	Phường Kiến An	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11446	Phường Phù Liễn	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11455	Phường Đồ Sơn	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11473	Phường Bạch Đằng	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11488	Phường Lưu Kiếm	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11503	Xã Việt Khê	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11506	Phường Lê Ích Mộc	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11533	Phường Hòa Bình	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11542	Phường Nam Triệu	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11557	Phường Thiên Hương	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11560	Phường Thủy Nguyên	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11581	Phường An Dương	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11593	Phường An Phong	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11602	Phường Hồng An	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11617	Phường An Hải	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11629	Xã An Lão	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11635	Xã An Trường	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11647	Xã An Quang	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11668	Xã An Khánh	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11674	Xã An Hưng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11680	Xã Kiến Thụy	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11689	Phường Hưng Đạo	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11692	Phường Dương Kinh	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11713	Xã Nghi Dương	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11725	Xã Kiến Minh	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11728	Xã Kiến Hưng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11737	Phường Nam Đồ Sơn	Phường	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11749	Xã Kiến Hải	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11755	Xã Tiên Lãng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11761	Xã Quyết Thắng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11779	Xã Tân Minh	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11791	Xã Tiên Minh	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11806	Xã Chấn Hưng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11809	Xã Hùng Thắng	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11824	Xã Vĩnh Bảo	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11836	Xã Vĩnh Thịnh	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11842	Xã Vĩnh Thuận	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11848	Xã Vĩnh Hòa	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11875	Xã Vĩnh Hải	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11887	Xã Vĩnh Am	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11911	Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xã	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11914	Đặc khu Cát Hải	Đặc khu	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11948	Đặc khu Bạch Long Vĩ	Đặc khu	Số: 1669/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	31	Thành phố Hải Phòng
11953	Phường Phố Hiến	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
11977	Xã Tân Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
11980	Phường Hồng Châu	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
11983	Phường Sơn Nam	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
11992	Xã Lạc Đạo	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
11995	Xã Đại Đồng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12004	Xã Như Quỳnh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12019	Xã Văn Giang	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12025	Xã Phụng Công	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12031	Xã Nghĩa Trụ	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12049	Xã Mễ Sở	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12064	Xã Nguyễn Văn Linh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12070	Xã Hoàn Long	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12073	Xã Yên Mỹ	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên

12091	Xã Việt Yên	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12103	Phường Mỹ Hào	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12127	Phường Thượng Hồng	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12133	Phường Đường Hào	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12142	Xã Ân Thi	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12148	Xã Phạm Ngũ Lão	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12166	Xã Xuân Trúc	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12184	Xã Nguyễn Trãi	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12196	Xã Hồng Quang	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12205	Xã Khoái Châu	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12223	Xã Triệu Việt Vương	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12238	Xã Việt Tiến	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12247	Xã Châu Ninh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12271	Xã Chí Minh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12280	Xã Lương Bằng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12286	Xã Nghĩa Dân	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12313	Xã Đức Hợp	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12322	Xã Hiệp Cường	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12337	Xã Hoàng Hoa Thám	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12361	Xã Tiên Hoa	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12364	Xã Tiên Lữ	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12391	Xã Quang Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12406	Xã Đoàn Đào	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12424	Xã Tiên Tiến	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12427	Xã Tống Trân	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12452	Phường Trần Hưng Đạo	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12454	Phường Trần Lãm	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12466	Phường Vũ Phúc	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12472	Xã Quỳnh Phụ	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12499	Xã A Sào	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12511	Xã Minh Thọ	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12517	Xã Ngọc Lâm	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12523	Xã Phụ Dực	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12526	Xã Đồng Bằng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12532	Xã Nguyễn Du	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12577	Xã Quỳnh An	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12583	Xã Tân Tiến	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12586	Xã Hưng Hà	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12595	Xã Ngự Thiên	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12613	Xã Long Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12619	Xã Diên Hà	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12631	Xã Thần Khê	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12634	Xã Tiên La	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12676	Xã Lê Quý Đôn	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12685	Xã Hồng Minh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12688	Xã Đông Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12694	Xã Bắc Đông Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12700	Xã Bắc Tiên Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12736	Xã Đông Tiên Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12745	Xã Bắc Đông Quan	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12754	Xã Tiên Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12763	Xã Nam Tiên Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12775	Xã Nam Đông Hưng	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12793	Xã Đông Quan	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12817	Phường Trà Lý	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12826	Xã Thái Thụy	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12850	Xã Tây Thụy Anh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12859	Xã Bắc Thụy Anh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên

12862	Xã Đông Thụy Anh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12865	Xã Thụy Anh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12904	Xã Nam Thụy Anh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12916	Xã Bắc Thái Ninh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12919	Xã Tây Thái Ninh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12922	Xã Thái Ninh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12943	Xã Đông Thái Ninh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12961	Xã Nam Thái Ninh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12970	Xã Tiền Hải	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
12988	Xã Đông Tiền Hải	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13003	Xã Đồng Châu	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13021	Xã Ái Quốc	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13039	Xã Tây Tiền Hải	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13057	Xã Nam Cường	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13063	Xã Nam Tiền Hải	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13066	Xã Hưng Phú	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13075	Xã Kiến Xương	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13093	Xã Trà Giang	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13096	Xã Bình Nguyên	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13120	Xã Lê Lợi	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13132	Xã Quang Lịch	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13141	Xã Vũ Quý	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13159	Xã Hồng Vũ	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13183	Xã Bình Thanh	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13186	Xã Bình Định	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13192	Xã Vũ Thư	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13219	Xã Vạn Xuân	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13222	Xã Thư Trì	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13225	Phường Thái Bình	Phường	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13246	Xã Tân Thuận	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13264	Xã Thư Vũ	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13279	Xã Vũ Tiên	Xã	Số: 1666/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	33	Tỉnh Hưng Yên
13285	Phường Phủ Lý	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13291	Phường Phủ Vân	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13318	Phường Châu Sơn	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13324	Phường Duy Tiên	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13330	Phường Duy Tân	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13336	Phường Duy Hà	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13348	Phường Đồng Văn	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13363	Phường Tiên Sơn	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13366	Phường Hà Nam	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13384	Phường Kim Bảng	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13393	Phường Lê Hồ	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13396	Phường Nguyễn Uý	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13402	Phường Kim Thanh	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13420	Phường Tam Chúc	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13435	Phường Lý Thường Kiệt	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13444	Phường Liêm Tuyền	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13456	Xã Liêm Hà	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13474	Xã Tân Thanh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13483	Xã Thanh Bình	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13489	Xã Thanh Lâm	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13495	Xã Thanh Liêm	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13501	Xã Bình Mỹ	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13504	Xã Bình Lục	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13531	Xã Bình Giang	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13540	Xã Bình An	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13558	Xã Bình Sơn	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình

13573	Xã Lý Nhân	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13579	Xã Bắc Lý	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13591	Xã Nam Xang	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13594	Xã Trần Thương	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13597	Xã Vĩnh Trụ	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13609	Xã Nhân Hà	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13627	Xã Nam Lý	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13669	Phường Nam Định	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13684	Phường Thiên Trường	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13693	Phường Đông A	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13699	Phường Thành Nam	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13708	Phường Mỹ Lộc	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13741	Xã Vụ Bản	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13750	Xã Minh Tân	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13753	Xã Hiển Khánh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13777	Phường Trường Thi	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13786	Xã Liên Minh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13795	Xã Ý Yên	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13807	Xã Tân Minh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13822	Xã Phong Doanh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13834	Xã Vũ Dương	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13864	Xã Vạn Thắng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13870	Xã Yên Cường	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13879	Xã Yên Đồng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13891	Xã Nghĩa Hưng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13894	Xã Rạng Đông	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13900	Xã Đồng Thịnh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13918	Xã Nghĩa Sơn	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13927	Xã Hồng Phong	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13939	Xã Quỹ Nhất	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13957	Xã Nghĩa Lâm	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13966	Xã Nam Trực	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13972	Phường Vị Khê	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13984	Phường Hồng Quang	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
13987	Xã Nam Hồng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14005	Xã Nam Ninh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14011	Xã Nam Minh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14014	Xã Nam Đồng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14026	Xã Cổ Lễ	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14038	Xã Ninh Giang	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14053	Xã Trực Ninh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14056	Xã Cát Thành	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14062	Xã Quang Hưng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14071	Xã Minh Thái	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14077	Xã Ninh Cường	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14089	Xã Xuân Trường	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14095	Xã Xuân Hồng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14104	Xã Xuân Giang	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14122	Xã Xuân Hưng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14161	Xã Giao Minh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14167	Xã Giao Thuỷ	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14179	Xã Giao Hưng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14182	Xã Giao Hoà	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14194	Xã Giao Bình	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14203	Xã Giao Phúc	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14212	Xã Giao Ninh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14215	Xã Hải Hậu	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14218	Xã Hải Tiến	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình

14221	Xã Hải Thịnh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14236	Xã Hải Anh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14248	Xã Hải Hưng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14281	Xã Hải An	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14287	Xã Hải Quang	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14308	Xã Hải Xuân	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14329	Phường Hoa Lư	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14359	Phường Nam Hoa Lư	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14362	Phường Tam Điệp	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14365	Phường Trung Sơn	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14371	Phường Yên Sơn	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14389	Xã Gia Lâm	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14401	Xã Gia Tường	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14404	Xã Cúc Phương	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14407	Xã Phú Sơn	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14428	Xã Nho Quan	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14434	Xã Thanh Sơn	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14452	Xã Quỳnh Lưu	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14458	Xã Phú Long	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14464	Xã Gia Viễn	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14482	Xã Gia Hưng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14488	Xã Gia Vân	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14494	Xã Gia Trấn	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14500	Xã Đại Hoàng	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14524	Xã Gia Phong	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14533	Phường Tây Hoa Lư	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14560	Xã Yên Khánh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14563	Xã Khánh Thiện	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14566	Phường Đông Hoa Lư	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14608	Xã Khánh Trung	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14611	Xã Khánh Nhạc	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14614	Xã Khánh Hội	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14620	Xã Phát Diệm	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14623	Xã Bình Minh	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14638	Xã Kim Sơn	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14647	Xã Quang Thiện	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14653	Xã Chất Bình	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14674	Xã Lai Thành	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14677	Xã Định Hóa	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14698	Xã Kim Đông	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14701	Xã Yên Mô	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14725	Phường Yên Thắng	Phường	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14728	Xã Yên Từ	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14743	Xã Yên Mạc	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14746	Xã Đồng Thái	Xã	Số: 1674/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	37	Tỉnh Ninh Bình
14758	Phường Hàm Rồng	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14797	Phường Hạc Thành	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14812	Phường Bỉm Sơn	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14818	Phường Quang Trung	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14845	Xã Mường Lát	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14848	Xã Tam Chung	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14854	Xã Mường Lý	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14857	Xã Trung Lý	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14860	Xã Quang Chiểu	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14863	Xã Pù Nhi	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14864	Xã Nhi Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14866	Xã Mường Chanh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14869	Xã Hồi Xuân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa

14872	Xã Trung Thành	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14875	Xã Trung Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14878	Xã Phú Lệ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14890	Xã Phú Xuân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14896	Xã Hiền Kiệt	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14902	Xã Nam Xuân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14908	Xã Thiên Phủ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14923	Xã Bá Thước	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14932	Xã Điền Quang	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14950	Xã Điền Lư	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14953	Xã Quý Lương	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14956	Xã Pù Luông	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14959	Xã Cổ Lũng	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14974	Xã Văn Nho	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
14980	Xã Thiết Ống	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15001	Xã Trung Hạ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15007	Xã Tam Thanh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15010	Xã Sơn Thủy	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15013	Xã Na Mèo	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15016	Xã Quan Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15019	Xã Tam Lư	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15022	Xã Sơn Điện	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15025	Xã Mường Mìn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15031	Xã Yên Khương	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15034	Xã Yên Thắng	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15043	Xã Giao An	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15049	Xã Văn Phú	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15055	Xã Linh Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15058	Xã Đồng Lương	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15061	Xã Ngọc Lặc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15085	Xã Thạch Lập	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15091	Xã Ngọc Liên	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15106	Xã Nguyệt Ấn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15112	Xã Kiên Thọ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15124	Xã Minh Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15127	Xã Cẩm Thủy	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15142	Xã Cẩm Thạch	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15148	Xã Cẩm Tú	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15163	Xã Cẩm Vân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15178	Xã Cẩm Tân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15187	Xã Kim Tân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15190	Xã Vân Du	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15199	Xã Thạch Quảng	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15211	Xã Thạch Bình	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15229	Xã Thành Vinh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15250	Xã Ngọc Trạo	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15271	Xã Hà Trung	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15274	Xã Hà Long	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15286	Xã Hoạt Giang	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15298	Xã Lĩnh Toại	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15316	Xã Tống Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15349	Xã Vĩnh Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15361	Xã Tây Đô	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15382	Xã Biện Thượng	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15409	Xã Yên Phú	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15412	Xã Quý Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15421	Xã Yên Trường	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15442	Xã Yên Ninh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa

15448	Xã Định Hòa	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15457	Xã Định Tân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15469	Xã Yên Định	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15499	Xã Thọ Xuân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15505	Xã Thọ Long	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15520	Xã Xuân Hòa	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15544	Xã Lam Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15553	Xã Sao Vàng	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15568	Xã Thọ Lập	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15574	Xã Xuân Tín	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15592	Xã Xuân Lập	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15607	Xã Bát Mọt	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15610	Xã Yên Nhân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15622	Xã Vạn Xuân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15628	Xã Lương Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15634	Xã Luận Thành	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15643	Xã Thắng Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15646	Xã Thường Xuân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15658	Xã Xuân Chinh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15661	Xã Tân Thành	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15664	Xã Triệu Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15667	Xã Thọ Bình	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15682	Xã Hợp Tiến	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15715	Xã Tân Ninh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15724	Xã Đồng Tiến	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15754	Xã Thọ Ngọc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15763	Xã Thọ Phú	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15766	Xã An Nông	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15772	Xã Thiệu Hóa	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15778	Xã Thiệu Tiến	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15796	Xã Thiệu Quang	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15820	Xã Thiệu Toán	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15835	Xã Thiệu Trung	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15853	Phường Đông Tiến	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15865	Xã Hoằng Hóa	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15880	Xã Hoằng Giang	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15889	Xã Hoằng Phú	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15910	Xã Hoằng Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15925	Phường Nguyệt Viên	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15961	Xã Hoằng Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15976	Xã Hoằng Châu	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
15991	Xã Hoằng Tiến	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16000	Xã Hoằng Thanh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16012	Xã Hậu Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16021	Xã Triệu Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16033	Xã Đông Thành	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16072	Xã Hoa Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16078	Xã Vạn Lộc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16093	Xã Nga Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16108	Xã Tân Tiến	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16114	Xã Nga Thắng	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16138	Xã Hồ Vương	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16144	Xã Nga An	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16171	Xã Ba Đình	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16174	Xã Như Xuân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16177	Xã Xuân Bình	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16186	Xã Hóa Quỳ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16213	Xã Thanh Phong	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa

16222	Xã Thanh Quân	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16225	Xã Thượng Ninh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16228	Xã Như Thanh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16234	Xã Xuân Du	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16249	Xã Mậu Lâm	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16258	Xã Xuân Thái	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16264	Xã Yên Thọ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16273	Xã Thanh Kỳ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16279	Xã Nông Cống	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16297	Xã Trung Chính	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16309	Xã Thắng Lợi	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16342	Xã Thăng Bình	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16348	Xã Trường Văn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16363	Xã Tượng Lĩnh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16369	Xã Công Chính	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16378	Phường Đông Sơn	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16417	Phường Đông Quang	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16438	Xã Lưu Vệ	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16480	Xã Quảng Yên	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16489	Xã Quảng Chính	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16498	Xã Quảng Ngọc	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16516	Phường Nam Sầm Sơn	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16522	Phường Quảng Phú	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16531	Phường Sầm Sơn	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16540	Xã Quảng Ninh	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16543	Xã Quảng Bình	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16549	Xã Tiên Trang	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16561	Phường Tĩnh Gia	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16576	Phường Ngọc Sơn	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16591	Xã Các Sơn	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16594	Phường Tân Dân	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16597	Phường Hải Lĩnh	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16609	Phường Đào Duy Từ	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16624	Phường Trúc Lâm	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16636	Xã Trường Lâm	Xã	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16645	Phường Hải Bình	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16654	Phường Nghi Sơn	Phường	Số: 1686/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	38	Tỉnh Thanh Hóa
16681	Phường Thành Vinh	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16690	Phường Trường Vinh	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16702	Phường Vinh Phú	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16708	Phường Vinh Lộc	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16732	Phường Cửa Lò	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16738	Xã Quế Phong	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16744	Xã Thông Thụ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16750	Xã Tiền Phong	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16756	Xã Tri Lễ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16774	Xã Mường Quàng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16777	Xã Quỳ Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16792	Xã Châu Tiến	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16801	Xã Hùng Chân	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16804	Xã Châu Bình	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16813	Xã Mường Xén	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16816	Xã Mỹ Lý	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An

16819	Xã Bắc Lý	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16822	Xã Keng Đu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16828	Xã Huổi Tụ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16831	Xã Mường Lống	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16834	Xã Na Loi	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16837	Xã Nậm Cắn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16849	Xã Hữu Kiệm	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16855	Xã Chiêu Lưu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16858	Xã Mường Típ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16870	Xã Na Ngoi	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16876	Xã Tương Dương	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16882	Xã Nhôn Mai	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16885	Xã Hữu Khuông	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16903	Xã Nga My	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16906	Xã Lượng Minh	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16909	Xã Yên Hòa	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16912	Xã Yên Na	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16933	Xã Tam Quang	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16936	Xã Tam Thái	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16939	Phường Thái Hòa	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16941	Xã Nghĩa Đàn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16951	Xã Nghĩa Lâm	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16969	Xã Nghĩa Thọ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16972	Xã Nghĩa Hưng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
16975	Xã Nghĩa Mai	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17011	Phường Tây Hiếu	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17017	Xã Đông Hiếu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17029	Xã Nghĩa Lộc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17032	Xã Nghĩa Khánh	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17035	Xã Quỳ Hợp	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17044	Xã Châu Hồng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17056	Xã Châu Lộc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17059	Xã Tam Hợp	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17071	Xã Minh Hợp	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17077	Xã Mường Ham	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17089	Xã Mường Chọng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17110	Phường Hoàng Mai	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17125	Phường Quỳnh Mai	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17128	Phường Tân Mai	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17143	Xã Quỳnh Văn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17149	Xã Quỳnh Tam	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17170	Xã Quỳnh Sơn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17176	Xã Quỳnh Anh	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17179	Xã Quỳnh Lưu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17212	Xã Quỳnh Phú	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17224	Xã Quỳnh Thắng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17230	Xã Bình Chuẩn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17239	Xã Mậu Thạch	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17242	Xã Cam Phục	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17248	Xã Châu Khê	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17254	Xã Con Cuông	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17263	Xã Môn Sơn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17266	Xã Tân Kỳ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17272	Xã Tân Phú	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17278	Xã Giai Xuân	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17284	Xã Nghĩa Đồng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17287	Xã Tiên Đồng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17305	Xã Tân An	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An

17326	Xã Nghĩa Hành	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17329	Xã Anh Sơn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17335	Xã Thành Bình Thọ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17344	Xã Nhân Hòa	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17357	Xã Vĩnh Tường	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17365	Xã Anh Sơn Đông	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17380	Xã Yên Xuân	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17395	Xã Hùng Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17416	Xã Đức Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17419	Xã Hải Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17443	Xã Quảng Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17464	Xã Diễn Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17476	Xã Minh Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17479	Xã An Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17488	Xã Tân Châu	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17506	Xã Yên Thành	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17515	Xã Bình Minh	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17521	Xã Quang Đồng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17524	Xã Giai Lạc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17530	Xã Đông Thành	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17560	Xã Vân Du	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17569	Xã Quan Thành	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17605	Xã Hợp Minh	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17611	Xã Vân Tụ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17623	Xã Bạch Ngọc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17641	Xã Lương Sơn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17662	Xã Đô Lương	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17677	Xã Văn Hiến	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17689	Xã Thuần Trung	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17707	Xã Bạch Hà	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17713	Xã Đại Đồng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17722	Xã Hạnh Lâm	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17728	Xã Cát Ngạn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17743	Xã Tam Đồng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17759	Xã Sơn Lâm	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17770	Xã Hoa Quân	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17779	Xã Xuân Lâm	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17791	Xã Kim Bảng	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17818	Xã Bích Hào	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17827	Xã Nghi Lộc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17833	Xã Hải Lộc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17842	Xã Thần Lĩnh	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17854	Xã Văn Kiều	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17857	Xã Phúc Lộc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17866	Xã Trung Lộc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17878	Xã Đông Lộc	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17920	Phường Vinh Hưng	Phường	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17935	Xã Nam Đàn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17944	Xã Đại Huệ	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17950	Xã Vạn An	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17971	Xã Kim Liên	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
17989	Xã Thiên Nhẫn	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
18001	Xã Hưng Nguyên	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
18007	Xã Yên Trung	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
18028	Xã Hưng Nguyên Nam	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
18040	Xã Lam Thành	Xã	Số: 1678/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	40	Tỉnh Nghệ An
18073	Phường Thành Sen	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18100	Phường Trần Phú	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18115	Phường Bắc Hồng Lĩnh	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18118	Phường Nam Hồng Lĩnh	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18133	Xã Hương Sơn	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18160	Xã Sơn Hồng	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18163	Xã Sơn Tiến	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh

18172	Xã Sơn Tây	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18184	Xã Sơn Giang	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18196	Xã Sơn Kim 1	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18199	Xã Sơn Kim 2	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18202	Xã Tứ Mỹ	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18223	Xã Kim Hoa	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18229	Xã Đức Thọ	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18244	Xã Đức Minh	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18262	Xã Đức Quang	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18277	Xã Đức Thịnh	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18304	Xã Đức Đồng	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18313	Xã Vũ Quang	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18322	Xã Mai Hoa	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18328	Xã Thượng Đức	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18352	Xã Nghi Xuân	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18364	Xã Đan Hải	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18373	Xã Tiên Điền	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18394	Xã Cổ Đạm	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18406	Xã Can Lộc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18409	Xã Hồng Lộc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18418	Xã Tùng Lộc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18436	Xã Trường Lưu	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18466	Xã Gia Hanh	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18481	Xã Xuân Lộc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18484	Xã Đồng Lộc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18496	Xã Hương Khê	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18502	Xã Hà Linh	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18523	Xã Hương Bình	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18532	Xã Hương Phố	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18544	Xã Hương Xuân	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18547	Xã Phúc Trạch	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18550	Xã Hương Đô	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18562	Xã Thạch Hà	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18568	Xã Lộc Hà	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18583	Xã Mai Phụ	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18586	Xã Đông Kinh	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18601	Xã Việt Xuyên	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18604	Xã Thạch Khê	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18619	Xã Đồng Tiến	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18628	Xã Thạch Lạc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18634	Xã Toàn Lưu	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18652	Phường Hà Huy Tập	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18667	Xã Thạch Xuân	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18673	Xã Cẩm Xuyên	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18676	Xã Thiên Cầm	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18682	Xã Yên Hòa	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18685	Xã Cẩm Bình	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18736	Xã Cẩm Hưng	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18739	Xã Cẩm Duệ	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18742	Xã Cẩm Trung	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18748	Xã Cẩm Lạc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18754	Phường Sông Trí	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18766	Xã Kỳ Xuân	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh

18775	Xã Kỳ Anh	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18781	Phường Hải Ninh	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18787	Xã Kỳ Văn	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18790	Xã Kỳ Khang	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18814	Xã Kỳ Hoa	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18823	Phường Vũng Áng	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18832	Phường Hoành Sơn	Phường	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18838	Xã Kỳ Lạc	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18844	Xã Kỳ Thượng	Xã	Số: 1665/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	42	Tỉnh Hà Tĩnh
18859	Phường Đồng Thuận	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18871	Phường Đồng Sơn	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18880	Phường Đồng Hới	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18901	Xã Minh Hóa	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18904	Xã Dân Hóa	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18919	Xã Tân Thành	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18922	Xã Kim Điền	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18943	Xã Kim Phú	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18949	Xã Đồng Lê	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18952	Xã Tuyên Sơn	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18958	Xã Tuyên Lâm	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18985	Xã Tuyên Phú	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18991	Xã Tuyên Bình	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
18997	Xã Tuyên Hóa	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19009	Phường Ba Đồn	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19021	Xã Phú Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19030	Xã Trung Thuần	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19033	Xã Hòa Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19051	Xã Tân Gianh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19057	Xã Quảng Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19066	Phường Bắc Gianh	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19075	Xã Nam Ba Đồn	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19093	Xã Nam Gianh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19111	Xã Hoàn Lão	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19126	Xã Bắc Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19138	Xã Phong Nha	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19141	Xã Bố Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19147	Xã Thượng Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19159	Xã Đông Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19198	Xã Nam Trạch	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19204	Xã Trường Sơn	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19207	Xã Quảng Ninh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19225	Xã Ninh Châu	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19237	Xã Trường Ninh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19246	Xã Lệ Ninh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19249	Xã Lệ Thủy	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19255	Xã Cam Hồng	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19288	Xã Sen Ngư	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19291	Xã Tân Mỹ	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19309	Xã Trường Phú	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19318	Xã Kim Ngân	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19333	Phường Đông Hà	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19351	Phường Nam Đông Hà	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19360	Phường Quảng Trị	Phường	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19363	Xã Vĩnh Linh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19366	Xã Bến Quan	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19372	Xã Vĩnh Hoàng	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19405	Xã Vĩnh Thủy	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19414	Xã Cửa Tùng	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị

19429	Xã Khe Sanh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19432	Xã Lao Bảo	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19435	Xã Hướng Lập	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19441	Xã Hướng Phùng	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19462	Xã Tân Lập	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19483	Xã A Dơi	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19489	Xã Lìa	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19495	Xã Gio Linh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19496	Xã Cửa Việt	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19501	Xã Bến Hải	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19537	Xã Cồn Tiên	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19555	Xã Hướng Hiệp	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19564	Xã Đakrông	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19567	Xã Ba Lòng	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19588	Xã Tà Rụt	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19594	Xã La Lay	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19597	Xã Cam Lộ	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19603	Xã Hiếu Giang	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19624	Xã Triệu Phong	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19639	Xã Nam Cửa Việt	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19645	Xã Triệu Bình	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19654	Xã Triệu Cơ	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19669	Xã Ái Tử	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19681	Xã Diên Sanh	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19699	Xã Vĩnh Định	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19702	Xã Hải Lăng	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19735	Xã Nam Hải Lăng	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19741	Xã Mỹ Thủy	Xã	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19742	Đặc khu Cồn Cỏ	Đặc khu	Số: 1680/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	44	Tỉnh Quảng Trị
19753	Phường Phú Xuân	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19774	Phường Kim Long	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19777	Phường Vỹ Dạ	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19789	Phường Thuận Hóa	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19804	Phường Hương An	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19813	Phường Thủy Xuân	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19815	Phường An Cựu	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19819	Phường Phong Điền	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19828	Phường Phong Phú	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19831	Phường Phong Dinh	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19858	Phường Phong Thái	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19867	Xã Quảng Điền	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19873	Phường Phong Quảng	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19885	Xã Đan Điền	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19900	Phường Thuận An	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19909	Phường Dương Nỗ	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19918	Xã Phú Hồ	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19930	Phường Mỹ Thượng	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19942	Xã Phú Vang	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19945	Xã Phú Vinh	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19960	Phường Phú Bài	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19969	Phường Thanh Thủy	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19975	Phường Hương Thủy	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
19996	Phường Hương Trà	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20014	Phường Hóa Châu	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20017	Phường Kim Trà	Phường	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20035	Xã Bình Điền	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20044	Xã A Lưới 2	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20050	Xã A Lưới 5	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế

20056	Xã A Lưới 1	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20071	Xã A Lưới 3	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20101	Xã A Lưới 4	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20107	Xã Phú Lộc	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20122	Xã Vinh Lộc	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20131	Xã Hưng Lộc	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20137	Xã Chân Mây - Lăng Cô	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20140	Xã Lộc An	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20161	Xã Khe Tre	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20179	Xã Nam Đông	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20182	Xã Long Quảng	Xã	Số: 1675/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	46	Thành phố Huế
20194	Phường Hải Vân	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20197	Phường Liên Chiểu	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20200	Phường Hòa Khánh	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20209	Phường Thanh Khê	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20242	Phường Hải Châu	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20257	Phường Hòa Cường	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20260	Phường Cẩm Lệ	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20263	Phường Sơn Trà	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20275	Phường An Hải	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20285	Phường Ngũ Hành Sơn	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20305	Phường An Khê	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20308	Xã Bà Nà	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20314	Phường Hòa Xuân	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20320	Xã Hòa Vang	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20332	Xã Hòa Tiến	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20333	Đặc khu Hoàng Sa	Đặc khu	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20335	Phường Bàn Thạch	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20341	Phường Tam Kỳ	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20350	Phường Hương Trà	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20356	Phường Quảng Phú	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20364	Xã Chiên Đàn	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20380	Xã Tây Hồ	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20392	Xã Phú Ninh	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20401	Phường Hội An Tây	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20410	Phường Hội An	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20413	Phường Hội An Đông	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20434	Xã Tân Hiệp	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20443	Xã Hùng Sơn	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20455	Xã Tây Giang	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20458	Xã Avương	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20467	Xã Đông Giang	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20476	Xã Sông Kôn	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20485	Xã Sông Vàng	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20494	Xã Bến Hiên	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20500	Xã Đại Lộc	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20506	Xã Thượng Đức	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20515	Xã Hà Nha	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20539	Xã Vu Gia	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20542	Xã Phú Thuận	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20551	Phường Điện Bàn	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20557	Phường Điện Bàn Bắc	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20569	Xã Điện Bàn Tây	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20575	Phường An Thắng	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20579	Phường Điện Bàn Đông	Phường	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20587	Xã Gò Nổi	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20599	Xã Nam Phước	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20611	Xã Thu Bồn	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng

20623	Xã Duy Xuyên	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20635	Xã Duy Nghĩa	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20641	Xã Quế Sơn	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20650	Xã Xuân Phú	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20656	Xã Nông Sơn	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20662	Xã Quế Sơn Trung	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20669	Xã Quế Phước	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20695	Xã Thạnh Mỹ	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20698	Xã La Êê	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20704	Xã La Dêê	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20707	Xã Nam Giang	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20710	Xã Bến Giằng	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20716	Xã Đắc Pring	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20722	Xã Khâm Đức	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20728	Xã Phước Hiệp	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20734	Xã Phước Năng	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20740	Xã Phước Chánh	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20752	Xã Phước Thành	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20767	Xã Việt An	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20770	Xã Phước Trà	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20779	Xã Hiệp Đức	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20791	Xã Thăng Bình	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20794	Xã Thăng An	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20818	Xã Đồng Dương	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20827	Xã Thăng Phú	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20836	Xã Thăng Trường	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20848	Xã Thăng Điền	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20854	Xã Tiên Phước	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20857	Xã Sơn Cẩm Hà	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20875	Xã Lãnh Ngọc	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20878	Xã Thạnh Bình	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20900	Xã Trà My	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20908	Xã Trà Liên	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20920	Xã Trà Đốc	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20923	Xã Trà Tân	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20929	Xã Trà Giáp	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20938	Xã Trà Leng	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20941	Xã Trà Tập	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20944	Xã Nam Trà My	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20950	Xã Trà Linh	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20959	Xã Trà Vân	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20965	Xã Núi Thành	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20971	Xã Tam Xuân	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20977	Xã Đức Phú	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20984	Xã Tam Anh	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
20992	Xã Tam Hải	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
21004	Xã Tam Mỹ	Xã	Số: 1659/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	48	Thành phố Đà Nẵng
21025	Phường Cẩm Thành	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21028	Phường Nghĩa Lộ	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21034	Xã An Phú	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21040	Xã Bình Sơn	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21061	Xã Vạn Tường	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21085	Xã Bình Minh	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21100	Xã Bình Chương	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21109	Xã Đông Sơn	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21115	Xã Trà Bồng	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21124	Xã Thanh Bồng	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21127	Xã Đông Trà Bồng	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi

21136	Xã Cà Đam	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21154	Xã Tây Trà	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21157	Xã Tây Trà Bồng	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21172	Phường Trương Quang Trọng	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21181	Xã Thọ Phong	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21196	Xã Trường Giang	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21205	Xã Ba Gia	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21211	Xã Tịnh Khê	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21220	Xã Sơn Tịnh	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21235	Xã Tư Nghĩa	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21238	Xã Vệ Giang	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21244	Xã Trà Giang	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21250	Xã Nghĩa Giang	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21289	Xã Sơn Hà	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21292	Xã Sơn Hạ	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21307	Xã Sơn Linh	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21319	Xã Sơn Thủy	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21325	Xã Sơn Kỳ	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21334	Xã Sơn Tây Thượng	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21340	Xã Sơn Tây	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21343	Xã Sơn Tây Hạ	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21349	Xã Sơn Mai	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21361	Xã Minh Long	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21364	Xã Nghĩa Hành	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21370	Xã Phước Giang	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21385	Xã Đình Cương	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21388	Xã Thiện Tín	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21400	Xã Mộ Đức	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21409	Xã Long Phụng	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21421	Xã Mô Cày	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21433	Xã Lân Phong	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21439	Phường Đức Phổ	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21451	Phường Trà Câu	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21457	Xã Nguyễn Nghiêm	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21472	Xã Khánh Cường	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21478	Phường Sa Huỳnh	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21484	Xã Ba Tơ	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21490	Xã Ba Vinh	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21496	Xã Ba Động	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21499	Xã Ba Dinh	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21520	Xã Đặng Thùy Trâm	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21523	Xã Ba Tô	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21529	Xã Ba Vì	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21538	Xã Ba Xa	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21548	Đặc khu Lý Sơn	Đặc khu	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23284	Phường Đăk Cấm	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23293	Phường Kon Tum	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23302	Phường Đăk Bla	Phường	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23317	Xã Ngọk Bay	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23326	Xã Ia Chim	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23332	Xã Đăk Rơ Wa	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23341	Xã Đăk Pék	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23344	Xã Đăk Plô	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23356	Xã Xốp	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23365	Xã Ngọc Linh	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23368	Xã Đăk Long	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23374	Xã Đăk Môn	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23377	Xã Bờ Y	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi

23383	Xã Dục Nông	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23392	Xã Sa Loong	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23401	Xã Đăk Tô	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23416	Xã Đăk Sao	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23419	Xã Đăk Tờ Kan	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23425	Xã Tu Mơ Rông	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23428	Xã Ngọk Tụ	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23430	Xã Kon Đào	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23446	Xã Măng Ri	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23455	Xã Măng Bút	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23473	Xã Măng Đen	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23476	Xã Kon Plông	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23479	Xã Đăk Rve	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23485	Xã Đăk Kôi	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23497	Xã Kon Braih	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23500	Xã Đăk Hà	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23504	Xã Đăk Pxi	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23510	Xã Đăk Ui	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23512	Xã Đăk Mar	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23515	Xã Ngọk Réo	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23527	Xã Sa Thầy	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23530	Xã Rờ Kơi	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23534	Xã Sa Bình	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23535	Xã Ia Đal	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23536	Xã Mô Rai	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23538	Xã Ia Tơi	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
23548	Xã Ya Ly	Xã	Số: 1677/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	51	Tỉnh Quảng Ngãi
21553	Phường Quy Nhơn Bắc	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21583	Phường Quy Nhơn	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21589	Phường Quy Nhơn Tây	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21592	Phường Quy Nhơn Nam	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21601	Phường Quy Nhơn Đông	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21607	Xã Nhơn Châu	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21609	Xã An Lão	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21616	Xã An Vinh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21622	Xã An Toàn	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21628	Xã An Hòa	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21637	Phường Tam Quan	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21640	Phường Bồng Sơn	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21655	Phường Hoài Nhơn Bắc	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21661	Phường Hoài Nhơn Tây	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21664	Phường Hoài Nhơn	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21670	Phường Hoài Nhơn Đông	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21673	Phường Hoài Nhơn Nam	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21688	Xã Hoài Ân	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21697	Xã Ân Hảo	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21703	Xã Vạn Đức	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21715	Xã Ân Tường	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21727	Xã Kim Sơn	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21730	Xã Phù Mỹ	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21733	Xã Bình Dương	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21739	Xã Phù Mỹ Bắc	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21751	Xã Phù Mỹ Đông	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21757	Xã Phù Mỹ Tây	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21769	Xã An Lương	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21775	Xã Phù Mỹ Nam	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21786	Xã Vĩnh Thạnh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21787	Xã Vĩnh Sơn	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai

21796	Xã Vĩnh Thịnh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21805	Xã Vĩnh Quang	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21808	Xã Tây Sơn	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21817	Xã Bình Hiệp	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21820	Xã Bình Khê	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21829	Xã Bình An	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21835	Xã Bình Phú	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21853	Xã Phù Cát	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21859	Xã Đề Gi	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21868	Xã Hội Sơn	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21871	Xã Hòa Hội	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21880	Xã Cát Tiến	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21892	Xã Xuân An	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21901	Xã Ngô Mây	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21907	Phường Bình Định	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21910	Phường An Nhơn	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21925	Phường An Nhơn Bắc	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21934	Phường An Nhơn Đông	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21940	Xã An Nhơn Tây	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21943	Phường An Nhơn Nam	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21952	Xã Tuy Phước	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21964	Xã Tuy Phước Bắc	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21970	Xã Tuy Phước Đông	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21985	Xã Tuy Phước Tây	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21994	Xã Vân Canh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
21997	Xã Canh Liên	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
22006	Xã Canh Vinh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23563	Phường Diên Hồng	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23575	Phường Pleiku	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23584	Phường Thống Nhất	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23586	Phường Hội Phú	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23590	Xã Biển Hồ	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23602	Phường An Phú	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23611	Xã Gào	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23614	Phường An Bình	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23617	Phường An Khê	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23629	Xã Cửu An	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23638	Xã Kbang	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23644	Xã Đak Rong	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23647	Xã Sơn Lang	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23650	Xã Krong	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23668	Xã Tơ Tung	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23674	Xã Kông Bơ La	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23677	Xã Đak Đoa	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23683	Xã Đak Sơmei	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23701	Xã Kon Gang	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23710	Xã Ia Băng	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23714	Xã KDang	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23722	Xã Chư Păh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23728	Xã Ia Khươl	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23734	Xã Ia Ly	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23749	Xã Ia Phí	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23764	Xã Ia Grai	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23767	Xã Ia Hrung	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23776	Xã Ia Krái	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23782	Xã Ia O	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23788	Xã Ia Chia	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23794	Xã Mang Yang	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai

23798	Xã Ayun	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23799	Xã Hra	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23812	Xã Lơ Pang	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23818	Xã Kon Chiêng	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23824	Xã Kông Chro	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23830	Xã Chư Krey	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23833	Xã Ya Ma	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23839	Xã SRó	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23842	Xã Đăk Song	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23851	Xã Chơ Long	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23857	Xã Đức Cơ	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23866	Xã Ia Krêl	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23869	Xã Ia Dơk	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23872	Xã Ia Dom	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23881	Xã Ia Pnôn	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23884	Xã Ia Nan	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23887	Xã Chư Prông	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23896	Xã Bàu Cạn	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23908	Xã Ia Tôr	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23911	Xã Ia Boòng	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23917	Xã Ia Púch	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23926	Xã Ia Pia	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23935	Xã Ia Lâu	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23938	Xã Ia Mơ	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23941	Xã Chư Sê	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23942	Xã Chư Pưh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23947	Xã Bờ Ngoong	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23954	Xã Al Bá	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23971	Xã Ia Hrú	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23977	Xã Ia Ko	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23986	Xã Ia Le	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
23995	Xã Đak Pơ	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24007	Xã Ya Hội	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24013	Xã Pờ Tó	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24022	Xã Ia Pa	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24028	Xã Ia Tul	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24043	Xã Phú Thiện	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24044	Phường Ayun Pa	Phường	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24049	Xã Chư A Thai	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24061	Xã Ia Hiao	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24065	Xã Ia Rbol	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24073	Xã Ia Sao	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24076	Xã Phú Túc	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24100	Xã Ia Dreh	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24109	Xã Uar	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
24112	Xã Ia Rsai	Xã	Số: 1664/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	52	Tỉnh Gia Lai
22333	Phường Bắc Nha Trang	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22366	Phường Nha Trang	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22390	Phường Tây Nha Trang	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22402	Phường Nam Nha Trang	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22411	Phường Bắc Cam Ranh	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22420	Phường Cam Ranh	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22423	Phường Ba Ngòi	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22432	Phường Cam Linh	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22435	Xã Cam Hiệp	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22453	Xã Cam Lâm	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa

22465	Xã Cam An	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22480	Xã Nam Cam Ranh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22489	Xã Vạn Ninh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22498	Xã Tu Bông	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22504	Xã Đại Lãnh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22516	Xã Vạn Thắng	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22525	Xã Vạn Hưng	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22528	Phường Ninh Hòa	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22546	Xã Bắc Ninh Hòa	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22552	Xã Tây Ninh Hòa	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22558	Xã Hòa Trí	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22561	Phường Đông Ninh Hòa	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22576	Xã Tân Định	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22591	Phường Hòa Thắng	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22597	Xã Nam Ninh Hòa	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22609	Xã Khánh Vĩnh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22612	Xã Trung Khánh Vĩnh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22615	Xã Bắc Khánh Vĩnh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22624	Xã Tây Khánh Vĩnh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22648	Xã Nam Khánh Vĩnh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22651	Xã Diên Khánh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22657	Xã Diên Điền	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22660	Xã Diên Lâm	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22672	Xã Diên Thọ	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22678	Xã Diên Lạc	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22702	Xã Suối Hiệp	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22708	Xã Suối Dầu	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22714	Xã Khánh Sơn	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22720	Xã Tây Khánh Sơn	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22732	Xã Đông Khánh Sơn	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22736	Đặc khu Trường Sa	Đặc khu	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22738	Phường Đô Vinh	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22741	Phường Bảo An	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22759	Phường Phan Rang	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22780	Phường Đông Hải	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22786	Xã Bác Ái Tây	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22795	Xã Bác Ái	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22801	Xã Bác Ái Đông	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22810	Xã Ninh Sơn	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22813	Xã Lâm Sơn	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22822	Xã Mỹ Sơn	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22828	Xã Anh Dũng	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22834	Phường Ninh Chử	Phường	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22840	Xã Công Hải	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22846	Xã Vĩnh Hải	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22849	Xã Thuận Bắc	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22852	Xã Ninh Hải	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22861	Xã Xuân Hải	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22870	Xã Ninh Phước	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22873	Xã Phước Hậu	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22888	Xã Phước Dinh	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22891	Xã Phước Hữu	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22897	Xã Thuận Nam	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa

22900	Xã Phước Hà	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22909	Xã Cà Ná	Xã	Số: 1667/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	56	Tỉnh Khánh Hòa
22015	Phường Tuy Hòa	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22045	Phường Bình Kiến	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22051	Phường Sông Cầu	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22057	Xã Xuân Lộc	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22060	Xã Xuân Cảnh	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22075	Xã Xuân Thọ	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22076	Phường Xuân Đài	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22081	Xã Đồng Xuân	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22090	Xã Xuân Lãnh	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22096	Xã Phú Mỡ	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22111	Xã Xuân Phước	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22114	Xã Tuy An Bắc	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22120	Xã Tuy An Đông	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22132	Xã Tuy An Tây	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22147	Xã Ô Loan	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22153	Xã Tuy An Nam	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22165	Xã Sơn Hòa	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22171	Xã Tây Sơn	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22177	Xã Vân Hòa	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22192	Xã Suối Trai	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22207	Xã Sông Hinh	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22222	Xã Đức Bình	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22225	Xã Ea Bá	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22237	Xã Ea Ly	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22240	Phường Phú Yên	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22250	Xã Sơn Thành	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22255	Xã Tây Hòa	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22258	Phường Đông Hòa	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22261	Phường Hòa Hiệp	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22276	Xã Hòa Thịnh	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22285	Xã Hòa Mỹ	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22291	Xã Hòa Xuân	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22303	Xã Phú Hòa 2	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22319	Xã Phú Hòa 1	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24121	Phường Tân Lập	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24133	Phường Buôn Ma Thuột	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24154	Phường Thành Nhất	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24163	Phường Tân An	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24169	Phường Ea Kao	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24175	Xã Hòa Phú	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24181	Xã Ea Drăng	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24184	Xã Ea H'Leo	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24187	Xã Ea Hiao	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24193	Xã Ea Wy	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24208	Xã Ea Khăl	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24211	Xã Ea Súp	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24214	Xã Ia Lốp	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24217	Xã Ea Rốk	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24221	Xã Ia Rvê	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24229	Xã Ea Bung	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24235	Xã Buôn Đôn	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24241	Xã Ea Wer	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk

24250	Xã Ea Nuôl	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24259	Xã Quảng Phú	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24265	Xã Ea Kiết	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24277	Xã Ea Tul	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24280	Xã Cư M'gar	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24286	Xã Ea M'Droh	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24301	Xã Cuôr Đăng	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24305	Phường Buôn Hồ	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24310	Xã Krông Búk	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24313	Xã Cư Pơng	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24316	Xã Pơng Drang	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24328	Xã Ea Drông	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24340	Phường Cư Bao	Phường	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24343	Xã Krông Năng	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24346	Xã Dliê Ya	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24352	Xã Tam Giang	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24364	Xã Phú Xuân	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24373	Xã Ea Kar	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24376	Xã Ea Knốp	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24400	Xã Ea Păl	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24403	Xã Ea Ô	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24406	Xã Cư Yang	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24412	Xã M'Drắk	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24415	Xã Cư Prao	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24433	Xã Ea Riêng	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24436	Xã Cư M'ta	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24444	Xã Krông Á	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24445	Xã Ea Trang	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24448	Xã Krông Bông	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24454	Xã Dang Kang	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24472	Xã Hòa Sơn	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24478	Xã Cư Pui	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24484	Xã Yang Mao	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24490	Xã Krông Pắc	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24496	Xã Ea Kly	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24502	Xã Ea Phê	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24505	Xã Ea Knuếc	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24526	Xã Tân Tiến	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24529	Xã Vụ Bổn	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24538	Xã Krông Ana	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24540	Xã Ea Ning	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24544	Xã Ea Ktur	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24559	Xã Ea Na	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24561	Xã Dray Bhăng	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24568	Xã Dur Kmăl	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24580	Xã Liên Sơn Lắk	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24595	Xã Đắk Liêng	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24598	Xã Đắk Phơi	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24604	Xã Krông Nô	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
24607	Xã Nam Ka	Xã	Số: 1660/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	66	Tỉnh Đắk Lắk
22918	Phường Mũi Né	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22924	Phường Phú Thuỷ	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22933	Phường Hàm Thắng	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22945	Phường Phan Thiết	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22954	Phường Tiến Thành	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22960	Phường Bình Thuận	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22963	Xã Tuyên Quang	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22969	Xã Liên Hương	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22972	Xã Phan Rí Cửa	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22978	Xã Tuy Phong	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
22981	Xã Vĩnh Hảo	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23005	Xã Bắc Bình	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23008	Xã Phan Sơn	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng

23020	Xã Hải Ninh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23023	Xã Sông Lũy	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23032	Xã Lương Sơn	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23041	Xã Hồng Thái	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23053	Xã Hòa Thắng	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23059	Xã Hàm Thuận	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23065	Xã La Dạ	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23074	Xã Đông Giang	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23086	Xã Hồng Sơn	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23089	Xã Hàm Thuận Bắc	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23095	Xã Hàm Liêm	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23110	Xã Hàm Thuận Nam	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23122	Xã Hàm Thạnh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23128	Xã Hàm Kiệm	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23134	Xã Tân Lập	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23143	Xã Tân Thành	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23149	Xã Tánh Linh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23152	Xã Bắc Ruộng	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23158	Xã Nghị Đức	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23173	Xã Đồng Kho	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23188	Xã Suối Kiết	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23191	Xã Đức Linh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23194	Xã Hoài Đức	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23200	Xã Nam Thành	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23227	Xã Trà Tân	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23230	Xã Tân Minh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23231	Phường Phước Hội	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23235	Phường La Gi	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23236	Xã Hàm Tân	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23246	Xã Tân Hải	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23266	Xã Sơn Mỹ	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
23272	Đặc khu Phú Quý	Đặc khu	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24611	Phường Bắc Gia Nghĩa	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24615	Phường Nam Gia Nghĩa	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24616	Xã Quảng Sơn	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24617	Phường Đông Gia Nghĩa	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24620	Xã Quảng Hòa	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24631	Xã Quảng Khê	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24637	Xã Tà Đùng	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24640	Xã Cư Jút	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24646	Xã Đắk Wil	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24649	Xã Nam Dong	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24664	Xã Đức Lập	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24670	Xã Đắk Mil	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24678	Xã Đắk Sắk	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24682	Xã Thuận An	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24688	Xã Krông Nô	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24697	Xã Nam Đà	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24703	Xã Nâm Nung	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24712	Xã Quảng Phú	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24717	Xã Đức An	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24718	Xã Đắk Song	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24722	Xã Thuận Hạnh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24730	Xã Trường Xuân	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24733	Xã Kiến Đức	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24736	Xã Quảng Trực	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng

24739	Xã Tuy Đức	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24748	Xã Quảng Tân	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24751	Xã Nhân Cơ	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24760	Xã Quảng Tín	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24778	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24781	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24787	Phường Cam Ly - Đà Lạt	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24805	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24820	Phường 2 Bảo Lộc	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24823	Phường 1 Bảo Lộc	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24829	Phường B'Lao	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24841	Phường 3 Bảo Lộc	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24846	Phường Lang Biang - Đà Lạt	Phường	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24848	Xã Lạc Dương	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24853	Xã Đam Rông 4	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24868	Xã Nam Ban Lâm Hà	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24871	Xã Đinh Văn Lâm Hà	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24875	Xã Đam Rông 3	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24877	Xã Đam Rông 2	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24883	Xã Nam Hà Lâm Hà	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24886	Xã Đam Rông 1	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24895	Xã Phú Sơn Lâm Hà	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24907	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24916	Xã Tân Hà Lâm Hà	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24931	Xã Đơn Dương	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24934	Xã D'Ran	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24943	Xã Ka Đô	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24955	Xã Quảng Lập	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24958	Xã Đức Trọng	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24967	Xã Hiệp Thạnh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24976	Xã Tân Hội	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24985	Xã Ninh Gia	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24988	Xã Tà Năng	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
24991	Xã Tà Hine	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25000	Xã Di Linh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25007	Xã Đinh Trang Thượng	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25015	Xã Gia Hiệp	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25018	Xã Bảo Thuận	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25036	Xã Hòa Ninh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25042	Xã Hòa Bắc	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25051	Xã Sơn Điền	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25054	Xã Bảo Lâm 1	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25057	Xã Bảo Lâm 5	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25063	Xã Bảo Lâm 4	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25084	Xã Bảo Lâm 2	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25093	Xã Bảo Lâm 3	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25099	Xã Đạ Huoai	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25105	Xã Đạ Huoai 2	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25114	Xã Đạ Huoai 3	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25126	Xã Đạ Tẻh	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25135	Xã Đạ Tẻh 3	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25138	Xã Đạ Tẻh 2	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25159	Xã Cát Tiên	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25162	Xã Cát Tiên 3	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25180	Xã Cát Tiên 2	Xã	Số: 1671/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	68	Tỉnh Lâm Đồng
25195	Phường Bình Phước	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai

25210	Phường Đồng Xoài	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25217	Phường Phước Long	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25220	Phường Phước Bình	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25222	Xã Bù Gia Mập	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25225	Xã Đăk Ơ	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25231	Xã Đa Kia	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25246	Xã Bình Tân	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25252	Xã Phú Riềng	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25255	Xã Long Hà	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25261	Xã Phú Trung	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25267	Xã Phú Nghĩa	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25270	Xã Lộc Ninh	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25279	Xã Lộc Tấn	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25280	Xã Lộc Thạnh	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25292	Xã Lộc Quang	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25294	Xã Lộc Thành	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25303	Xã Lộc Hưng	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25308	Xã Thiện Hưng	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25309	Xã Hưng Phước	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25318	Xã Tân Tiến	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25326	Phường Bình Long	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25333	Phường An Lộc	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25345	Xã Tân Hưng	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25349	Xã Minh Đức	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25351	Xã Tân Quan	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25357	Xã Tân Khai	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25363	Xã Đồng Phú	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25378	Xã Tân Lợi	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25387	Xã Thuận Lợi	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25390	Xã Đồng Tâm	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25396	Xã Bù Đăng	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25399	Xã Đak Nhau	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25402	Xã Thọ Sơn	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25405	Xã Bom Bo	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25417	Xã Nghĩa Trung	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25420	Xã Phước Sơn	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25432	Phường Chơn Thành	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25441	Phường Minh Hưng	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25450	Xã Nha Bích	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25993	Phường Tráng Dài	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26005	Phường Hố Nai	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26017	Phường Tam Hiệp	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26020	Phường Long Bình	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26041	Phường Trấn Biên	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26068	Phường Biên Hòa	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26080	Phường Long Khánh	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26089	Phường Bình Lộc	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26098	Phường Bảo Vinh	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26104	Phường Xuân Lập	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26113	Phường Hàng Gòn	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26116	Xã Tân Phú	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26119	Xã Đak Lua	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26122	Xã Nam Cát Tiên	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26134	Xã Tà Lài	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26158	Xã Phú Lâm	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26170	Xã Trị An	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai

26173	Xã Phú Lý	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26179	Xã Tân An	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26188	Phường Tân Triều	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26206	Xã Định Quán	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26209	Xã Thanh Sơn	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26215	Xã Phú Vinh	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26221	Xã Phú Hòa	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26227	Xã La Ngà	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26248	Xã Trảng Bom	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26254	Xã Bàu Hàm	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26278	Xã Bình Minh	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26281	Xã Hưng Thịnh	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26296	Xã An Viễn	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26299	Xã Thống Nhất	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26311	Xã Gia Kiệm	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26326	Xã Dầu Giây	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26332	Xã Xuân Quế	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26341	Xã Cẩm Mỹ	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26347	Xã Xuân Đường	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26359	Xã Xuân Đông	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26362	Xã Sông Ray	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26368	Xã Long Thành	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26374	Phường Tam Phước	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26377	Phường Phước Tân	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26380	Phường Long Hưng	Phường	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26383	Xã An Phước	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26389	Xã Bình An	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26413	Xã Long Phước	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26422	Xã Phước Thái	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26425	Xã Xuân Lộc	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26428	Xã Xuân Bắc	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26434	Xã Xuân Thành	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26446	Xã Xuân Hòa	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26458	Xã Xuân Phú	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26461	Xã Xuân Định	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26485	Xã Nhơn Trạch	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26491	Xã Đại Phước	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
26503	Xã Phước An	Xã	Số: 1662/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	75	Tỉnh Đồng Nai
25747	Phường Thủ Dầu Một	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25750	Phường Phú Lợi	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25760	Phường Bình Dương	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25768	Phường Phú An	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25771	Phường Chánh Hiệp	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25777	Xã Dầu Tiếng	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25780	Xã Minh Thạnh	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25792	Xã Long Hòa	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25807	Xã Thanh An	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25813	Phường Bến Cát	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25819	Xã Trừ Văn Thố	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25822	Xã Bàu Bàng	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25837	Phường Chánh Phú Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25840	Phường Long Nguyên	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25843	Phường Tây Nam	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25846	Phường Thới Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25849	Phường Hòa Lợi	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25858	Xã Phú Giáo	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25864	Xã Phước Thành	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25867	Xã An Long	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25882	Xã Phước Hòa	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25888	Phường Tân Uyên	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25891	Phường Tân Khánh	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25906	Xã Bắc Tân Uyên	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25909	Xã Thường Tân	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh

25912	Phường Vĩnh Tân	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25915	Phường Bình Cơ	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25920	Phường Tân Hiệp	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25942	Phường Dĩ An	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25945	Phường Tân Đông Hiệp	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25951	Phường Đông Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25966	Phường Lái Thiêu	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25969	Phường Thuận Giao	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25975	Phường An Phú	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25978	Phường Thuận An	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25987	Phường Bình Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26506	Phường Vũng Tàu	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26526	Phường Tam Thắng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26536	Phường Rạch Dừa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26542	Phường Phước Thắng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26545	Xã Long Sơn	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26560	Phường Bà Rịa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26566	Phường Long Hương	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26572	Phường Tam Long	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26575	Xã Ngãi Giao	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26584	Xã Xuân Sơn	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26590	Xã Bình Giã	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26596	Xã Châu Đức	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26608	Xã Kim Long	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26617	Xã Nghĩa Thành	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26620	Xã Hồ Tràm	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26632	Xã Xuyên Mộc	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26638	Xã Bàu Lâm	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26641	Xã Hòa Hội	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26647	Xã Hòa Hiệp	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26656	Xã Bình Châu	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26659	Xã Long Điền	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26662	Xã Long Hải	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26680	Xã Đất Đỏ	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26686	Xã Phước Hải	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26704	Phường Phú Mỹ	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26710	Phường Tân Hải	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26713	Phường Tân Phước	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26725	Phường Tân Thành	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26728	Xã Châu Pha	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26732	Đặc khu Côn Đảo	Đặc khu	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26737	Phường Tân Định	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26740	Phường Sài Gòn	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26743	Phường Bến Thành	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26758	Phường Cầu Ông Lãnh	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26767	Phường An Phú Đông	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26773	Phường Thới An	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26782	Phường Tân Thới Hiệp	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26785	Phường Trung Mỹ Tây	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26791	Phường Đông Hưng Thuận	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26800	Phường Linh Xuân	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26803	Phường Tam Bình	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26809	Phường Hiệp Bình	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26824	Phường Thủ Đức	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26833	Phường Long Bình	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26842	Phường Tăng Nhơn Phú	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh

26848	Phường Phước Long	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26857	Phường Long Phước	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26860	Phường Long Trường	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26876	Phường An Nhơn	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26878	Phường An Hội Đông	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26882	Phường An Hội Tây	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26884	Phường Gò Vấp	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26890	Phường Hạnh Thông	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26898	Phường Thông Tây Hội	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26905	Phường Bình Lợi Trung	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26911	Phường Bình Quới	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26929	Phường Bình Thạnh	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26944	Phường Gia Định	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26956	Phường Thạnh Mỹ Tây	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26968	Phường Tân Sơn Nhất	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26977	Phường Tân Sơn Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26983	Phường Bảy Hiền	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
26995	Phường Tân Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27004	Phường Tân Bình	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27007	Phường Tân Sơn	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27013	Phường Tây Thạnh	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27019	Phường Tân Sơn Nhì	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27022	Phường Phú Thọ Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27028	Phường Phú Thạnh	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27031	Phường Tân Phú	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27043	Phường Đức Nhuận	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27058	Phường Cầu Kiệu	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27073	Phường Phú Nhuận	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27094	Phường An Khánh	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27097	Phường Bình Trưng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27112	Phường Cát Lái	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27139	Phường Xuân Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27142	Phường Nhiêu Lộc	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27154	Phường Bàn Cờ	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27163	Phường Hòa Hưng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27169	Phường Diên Hồng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27190	Phường Vườn Lài	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27211	Phường Hòa Bình	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27226	Phường Phú Thọ	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27232	Phường Bình Thới	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27238	Phường Minh Phụng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27259	Phường Xóm Chiếu	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27265	Phường Khánh Hội	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27286	Phường Vĩnh Hội	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27301	Phường Chợ Quán	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27316	Phường An Đông	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27343	Phường Chợ Lớn	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27349	Phường Phú Lâm	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27364	Phường Bình Phú	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27367	Phường Bình Tây	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27373	Phường Bình Tiên	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27418	Phường Chánh Hưng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27424	Phường Bình Đông	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27427	Phường Phú Định	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27439	Phường Bình Hưng Hòa	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27442	Phường Bình Tân	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh

27448	Phường Bình Trị Đông	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27457	Phường Tân Tạo	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27460	Phường An Lạc	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27475	Phường Tân Hưng	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27478	Phường Tân Thuận	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27484	Phường Phú Thuận	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27487	Phường Tân Mỹ	Phường	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27496	Xã Tân An Hội	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27508	Xã An Nhơn Tây	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27511	Xã Nhuận Đức	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27526	Xã Thái Mỹ	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27541	Xã Phú Hòa Đông	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27544	Xã Bình Mỹ	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27553	Xã Củ Chi	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27559	Xã Hóc Môn	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27568	Xã Đông Thạnh	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27577	Xã Xuân Thới Sơn	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27592	Xã Bà Điểm	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27595	Xã Tân Nhựt	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27601	Xã Vĩnh Lộc	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27604	Xã Tân Vĩnh Lộc	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27610	Xã Bình Lợi	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27619	Xã Bình Hưng	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27628	Xã Hưng Long	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27637	Xã Bình Chánh	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27655	Xã Nhà Bè	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27658	Xã Hiệp Phước	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27664	Xã Cần Giờ	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27667	Xã Bình Khánh	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27673	Xã An Thới Đông	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
27676	Xã Thạnh An	Xã	Số: 1685/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25459	Phường Tân Ninh	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25480	Phường Bình Minh	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25486	Xã Tân Biên	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25489	Xã Tân Lập	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25498	Xã Thạnh Bình	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25510	Xã Trà Vong	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25516	Xã Tân Châu	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25522	Xã Tân Đông	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25525	Xã Tân Hội	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25531	Xã Tân Hòa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25534	Xã Tân Thành	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25549	Xã Tân Phú	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25552	Xã Dương Minh Châu	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25567	Phường Ninh Thạnh	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25573	Xã Cầu Khởi	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25579	Xã Lộc Ninh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25585	Xã Châu Thành	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25588	Xã Hảo Đước	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25591	Xã Phước Vinh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25606	Xã Hòa Hội	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25621	Xã Ninh Điền	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25630	Phường Long Hoa	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25633	Phường Thanh Điền	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25645	Phường Hòa Thành	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25654	Phường Gò Dầu	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25657	Xã Thạnh Đức	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25663	Xã Phước Thạnh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25666	Xã Truông Mít	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25672	Phường Gia Lộc	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25681	Xã Bến Cầu	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25684	Xã Long Chữ	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25702	Xã Long Thuận	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh

25708	Phường Trảng Bàng	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25711	Xã Hưng Thuận	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25729	Xã Phước Chỉ	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
25732	Phường An Tịnh	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27694	Phường Long An	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27712	Phường Tân An	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27715	Phường Khánh Hậu	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27721	Xã Tân Hưng	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27727	Xã Hưng Điền	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27736	Xã Vĩnh Thạnh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27748	Xã Vĩnh Châu	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27757	Xã Vĩnh Hưng	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27763	Xã Khánh Hưng	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27775	Xã Tuyên Bình	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27787	Phường Kiến Tường	Phường	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27793	Xã Bình Hiệp	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27811	Xã Bình Hòa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27817	Xã Tuyên Thạnh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27823	Xã Mộc Hóa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27826	Xã Tân Thạnh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27838	Xã Nhơn Hòa Lập	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27841	Xã Hậu Thạnh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27856	Xã Nhơn Ninh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27865	Xã Thạnh Hóa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27868	Xã Bình Thành	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27877	Xã Thạnh Phước	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27889	Xã Tân Tây	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27898	Xã Đông Thành	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27907	Xã Mỹ Quý	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27925	Xã Đức Huệ	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27931	Xã Hậu Nghĩa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27937	Xã Đức Hòa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27943	Xã An Ninh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27952	Xã Hiệp Hòa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27964	Xã Đức Lập	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27976	Xã Mỹ Hạnh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27979	Xã Hòa Khánh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27991	Xã Bến Lức	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
27994	Xã Thạnh Lợi	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28003	Xã Lương Hòa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28015	Xã Bình Đức	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28018	Xã Mỹ Yên	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28036	Xã Thủ Thừa	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28051	Xã Mỹ Thạnh	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28066	Xã Mỹ An	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28072	Xã Tân Long	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28075	Xã Tân Trụ	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28087	Xã Nhựt Tảo	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28093	Xã Vàm Cỏ	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28108	Xã Cần Đước	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28114	Xã Rạch Kiến	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28126	Xã Long Cang	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28132	Xã Mỹ Lệ	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28138	Xã Tân Lân	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28144	Xã Long Hựu	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28159	Xã Cần Giuộc	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh

28165	Xã Phước Lý	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28177	Xã Mỹ Lộc	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28201	Xã Phước Vĩnh Tây	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28207	Xã Tân Tập	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28210	Xã Tầm Vu	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28222	Xã Vĩnh Công	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28225	Xã Thuận Mỹ	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28243	Xã An Lục Long	Xã	Số: 1682/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	80	Tỉnh Tây Ninh
28249	Phường Đạo Thạnh	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28261	Phường Mỹ Tho	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28270	Phường Thới Sơn	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28273	Phường Mỹ Phong	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28285	Phường Trung An	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28297	Phường Long Thuận	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28306	Phường Gò Công	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28315	Phường Bình Xuân	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28321	Xã Tân Phước 1	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28327	Xã Tân Phước 2	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28336	Xã Hưng Thạnh	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28345	Xã Tân Phước 3	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28360	Xã Cái Bè	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28366	Xã Hậu Mỹ	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28378	Xã Mỹ Thiện	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28393	Xã Hội Cư	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28405	Xã Mỹ Đức Tây	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28414	Xã Mỹ Lợi	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28426	Xã Thanh Hưng	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28429	Xã An Hữu	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28435	Phường Mỹ Phước Tây	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28436	Phường Thanh Hòa	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28439	Phường Cai Lậy	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28444	Xã Thạnh Phú	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28456	Xã Mỹ Thành	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28468	Xã Tân Phú	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28471	Xã Bình Phú	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28477	Phường Nhị Quý	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28501	Xã Hiệp Đức	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28504	Xã Long Tiên	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28516	Xã Ngũ Hiệp	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28519	Xã Châu Thành	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28525	Xã Tân Hương	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28537	Xã Long Hưng	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28543	Xã Long Định	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28564	Xã Bình Trưng	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28576	Xã Vĩnh Kim	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28582	Xã Kim Sơn	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28594	Xã Chợ Gạo	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28603	Xã Mỹ Tịnh An	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28615	Xã Lương Hòa Lạc	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28627	Xã Tân Thuận Bình	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28633	Xã An Thạnh Thủy	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28648	Xã Bình Ninh	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28651	Xã Vĩnh Bình	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28660	Xã Đồng Sơn	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28663	Xã Phú Thành	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28678	Xã Vĩnh Hựu	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp

28687	Xã Long Bình	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28693	Xã Tân Thới	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28696	Xã Tân Phú Đông	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28702	Xã Tân Hòa	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28720	Xã Gia Thuận	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28723	Xã Tân Đông	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28729	Phường Sơn Qui	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28738	Xã Tân Điền	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28747	Xã Gò Công Đông	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29869	Phường Cao Lãnh	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29884	Phường Mỹ Ngãi	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29888	Phường Mỹ Trà	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29905	Phường Sa Đéc	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29926	Xã Tân Hồng	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29929	Xã Tân Hộ Cơ	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29938	Xã Tân Thành	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29944	Xã An Phước	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29954	Phường An Bình	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29955	Phường Hồng Ngự	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29971	Xã Thường Phước	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29978	Phường Thường Lạc	Phường	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29983	Xã Long Khánh	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
29992	Xã Long Phú Thuận	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30001	Xã Tràm Chim	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30010	Xã Tam Nông	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30019	Xã An Hòa	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30025	Xã Phú Cường	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30028	Xã An Long	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30034	Xã Phú Thọ	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30037	Xã Tháp Mười	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30043	Xã Phương Thịnh	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30046	Xã Trường Xuân	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30055	Xã Mỹ Quí	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30061	Xã Đốc Binh Kiều	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30073	Xã Thanh Mỹ	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30076	Xã Mỹ Thọ	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30085	Xã Ba Sao	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30088	Xã Phong Mỹ	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30112	Xã Mỹ Hiệp	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30118	Xã Bình Hàng Trung	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30130	Xã Thanh Bình	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30154	Xã Tân Long	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30157	Xã Tân Thạnh	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30163	Xã Bình Thành	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30169	Xã Lấp Vò	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30178	Xã Mỹ An Hưng	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30184	Xã Tân Khánh Trung	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30208	Xã Hòa Long	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30214	Xã Tân Dương	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30226	Xã Lai Vung	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30235	Xã Phong Hòa	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30244	Xã Phú Hựu	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30253	Xã Tân Nhuận Đông	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
30259	Xã Tân Phú Trung	Xã	Số: 1663/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	82	Tỉnh Đồng Tháp
28756	Phường Phú Khương	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28777	Phường An Hội	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long

28783	Phường Sơn Đông	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28789	Phường Bến Tre	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28807	Xã Giao Long	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28810	Xã Phú Túc	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28840	Xã Tân Phú	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28858	Phường Phú Tân	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28861	Xã Tiên Thủy	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28870	Xã Chợ Lách	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28879	Xã Phú Phụng	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28894	Xã Vĩnh Thành	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28901	Xã Hưng Khánh Trung	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28903	Xã Mỏ Cày	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28915	Xã Phước Mỹ Trung	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28921	Xã Tân Thành Bình	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28945	Xã Đồng Khởi	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28948	Xã Nhuận Phú Tân	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28957	Xã An Định	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28969	Xã Thành Thới	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28981	Xã Hương Mỹ	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28984	Xã Giồng Trôm	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28987	Xã Lương Hòa	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28993	Xã Lương Phú	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
28996	Xã Châu Hòa	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29020	Xã Phước Long	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29029	Xã Tân Hào	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29044	Xã Hưng Nhượng	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29050	Xã Bình Đại	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29062	Xã Phú Thuận	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29077	Xã Lộc Thuận	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29083	Xã Châu Hưng	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29089	Xã Thạnh Trị	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29104	Xã Thạnh Phước	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29107	Xã Thới Thuận	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29110	Xã Ba Tri	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29122	Xã Mỹ Chánh Hòa	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29125	Xã Bảo Thạnh	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29137	Xã Tân Xuân	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29143	Xã An Ngãi Trung	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29158	Xã An Hiệp	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29167	Xã Tân Thủy	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29182	Xã Thạnh Phú	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29191	Xã Quới Điền	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29194	Xã Đại Điền	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29221	Xã Thạnh Hải	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29224	Xã An Qui	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29227	Xã Thạnh Phong	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29242	Phường Trà Vinh	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29254	Phường Nguyệt Hóa	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29263	Phường Long Đức	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29266	Xã Càng Long	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29275	Xã An Trường	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29278	Xã Tân An	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29287	Xã Bình Phú	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29302	Xã Nhị Long	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29308	Xã Cầu Kè	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29317	Xã An Phú Tân	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29329	Xã Phong Thạnh	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29335	Xã Tam Ngãi	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29341	Xã Tiểu Cần	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29362	Xã Hùng Hòa	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29365	Xã Tập Ngãi	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29371	Xã Tân Hòa	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29374	Xã Châu Thành	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long

29386	Xã Song Lộc	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29398	Phường Hòa Thuận	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29407	Xã Hưng Mỹ	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29410	Xã Hòa Minh	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29413	Xã Long Hòa	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29416	Xã Cầu Ngang	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29419	Xã Mỹ Long	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29431	Xã Vinh Kim	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29446	Xã Nhị Trường	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29455	Xã Hiệp Mỹ	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29461	Xã Trà Cú	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29467	Xã Tập Sơn	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29476	Xã Lưu Nghiệp Anh	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29489	Xã Hàm Giang	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29491	Xã Đại An	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29497	Xã Đôn Châu	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29506	Xã Long Hiệp	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29512	Phường Duyên Hải	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29513	Xã Long Thành	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29516	Phường Trường Long Hòa	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29518	Xã Long Hữu	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29530	Xã Ngũ Lạc	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29533	Xã Long Vĩnh	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29536	Xã Đông Hải	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29551	Phường Long Châu	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29557	Phường Phước Hậu	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29566	Phường Tân Ngãi	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29584	Xã An Bình	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29590	Phường Thanh Đức	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29593	Phường Tân Hạnh	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29602	Xã Long Hồ	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29611	Xã Phú Quới	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29623	Xã Nhơn Phú	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29638	Xã Bình Phước	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29641	Xã Cái Nhum	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29653	Xã Tân Long Hội	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29659	Xã Trung Thành	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29668	Xã Quới An	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29677	Xã Quới Thiện	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29683	Xã Trung Hiệp	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29698	Xã Trung Ngãi	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29701	Xã Hiếu Phụng	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29713	Xã Hiếu Thành	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29719	Xã Tam Bình	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29728	Xã Cái Ngang	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29734	Xã Hòa Hiệp	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29740	Xã Song Phú	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29767	Xã Ngãi Tứ	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29770	Phường Cái Vồn	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29771	Phường Bình Minh	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29785	Xã Tân Lược	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29788	Xã Mỹ Thuận	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29800	Xã Tân Quới	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29812	Phường Đông Thành	Phường	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29821	Xã Trà Ôn	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29830	Xã Hòa Bình	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long

29836	Xã Trà Côn	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29845	Xã Vĩnh Xuân	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
29857	Xã Lục Sĩ Thành	Xã	Số: 1687/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	86	Tỉnh Vĩnh Long
30292	Phường Bình Đức	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30301	Phường Mỹ Thới	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30307	Phường Long Xuyên	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30313	Xã Mỹ Hòa Hưng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30316	Phường Châu Đốc	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30325	Phường Vĩnh Tế	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30337	Xã An Phú	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30341	Xã Khánh Bình	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30346	Xã Nhơn Hội	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30352	Xã Phú Hữu	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30367	Xã Vĩnh Hậu	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30376	Phường Tân Châu	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30377	Phường Long Phú	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30385	Xã Vĩnh Xương	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30388	Xã Tân An	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30403	Xã Châu Phong	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30406	Xã Phú Tân	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30409	Xã Chợ Vàm	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30421	Xã Phú Lâm	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30430	Xã Hòa Lạc	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30436	Xã Phú An	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30445	Xã Bình Thạnh Đông	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30463	Xã Châu Phú	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30469	Xã Mỹ Đức	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30478	Xã Vĩnh Thạnh Trung	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30481	Xã Thạnh Mỹ Tây	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30487	Xã Bình Mỹ	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30502	Phường Thới Sơn	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30505	Phường Chi Lăng	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30520	Phường Tịnh Biên	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30526	Xã An Cư	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30538	Xã Núi Cấm	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30544	Xã Tri Tôn	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30547	Xã Ba Chúc	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30568	Xã Vĩnh Gia	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30577	Xã Ô Lâm	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30580	Xã Cô Tô	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30589	Xã An Châu	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30595	Xã Cần Đăng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30604	Xã Vĩnh An	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30607	Xã Bình Hòa	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30619	Xã Vĩnh Hanh	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30628	Xã Chợ Mới	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30631	Xã Long Điền	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30643	Xã Cù Lao Giêng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30658	Xã Nhơn Mỹ	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30664	Xã Long Kiến	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30673	Xã Hội An	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30682	Xã Thoại Sơn	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30685	Xã Phú Hòa	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30688	Xã Ốc Eo	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30691	Xã Tây Phú	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30697	Xã Vĩnh Trạch	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang

30709	Xã Định Mỹ	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30742	Phường Rạch Giá	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30760	Phường Vĩnh Thông	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30766	Phường Tô Châu	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30769	Phường Hà Tiên	Phường	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30781	Xã Tiên Hải	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30787	Xã Kiên Lương	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30790	Xã Hòa Điền	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30793	Xã Vĩnh Điều	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30796	Xã Giang Thành	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30811	Xã Sơn Hải	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30814	Xã Hòn Nghệ	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30817	Xã Hòn Đất	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30823	Xã Bình Sơn	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30826	Xã Bình Giang	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30835	Xã Sơn Kiên	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30838	Xã Mỹ Thuận	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30850	Xã Tân Hiệp	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30856	Xã Tân Hội	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30874	Xã Thạnh Đông	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30880	Xã Châu Thành	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30886	Xã Thạnh Lộc	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30898	Xã Bình An	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30904	Xã Giồng Riềng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30910	Xã Thạnh Hưng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30928	Xã Ngọc Chúc	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30934	Xã Hòa Hưng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30943	Xã Long Thạnh	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30949	Xã Hòa Thuận	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30952	Xã Gò Quao	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30958	Xã Định Hòa	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30970	Xã Vĩnh Hòa Hưng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30982	Xã Vĩnh Tuy	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30985	Xã An Biên	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
30988	Xã Tây Yên	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31006	Xã Đông Thái	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31012	Xã Vĩnh Hòa	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31018	Xã An Minh	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31024	Xã Đông Hòa	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31027	Xã U Minh Thượng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31031	Xã Tân Thạnh	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31036	Xã Đông Hưng	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31042	Xã Vân Khánh	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31051	Xã Vĩnh Phong	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31064	Xã Vĩnh Bình	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31069	Xã Vĩnh Thuận	Xã	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31078	Đặc khu Phú Quốc	Đặc khu	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31105	Đặc khu Thổ Châu	Đặc khu	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31108	Đặc khu Kiên Hải	Đặc khu	Số: 1654/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	91	Tỉnh An Giang
31120	Phường Cái Khế	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31135	Phường Ninh Kiều	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31147	Phường Tân An	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31150	Phường An Bình	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31153	Phường Ô Môn	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31157	Phường Thới Long	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31162	Phường Phước Thới	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ

31168	Phường Bình Thủy	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31174	Phường Thới An Đông	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31183	Phường Long Tuyền	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31186	Phường Cái Răng	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31201	Phường Hưng Phú	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31207	Phường Thốt Nốt	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31213	Phường Tân Lộc	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31217	Phường Trung Nhứt	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31228	Phường Thuận Hưng	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31231	Xã Thạnh An	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31232	Xã Vĩnh Thạnh	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31237	Xã Vĩnh Trinh	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31246	Xã Thạnh Quới	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31249	Xã Thạnh Phú	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31255	Xã Trung Hưng	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31258	Xã Thới Lai	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31261	Xã Cờ Đỏ	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31264	Xã Thới Hưng	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31273	Xã Đông Hiệp	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31282	Xã Đông Thuận	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31288	Xã Trường Thành	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31294	Xã Trường Xuân	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31299	Xã Phong Điền	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31309	Xã Trường Long	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31315	Xã Nhơn Ái	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31321	Phường Vị Thanh	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31333	Phường Vị Tân	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31338	Xã Hỏa Lựu	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31340	Phường Ngã Bảy	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31342	Xã Tân Hòa	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31348	Xã Trường Long Tây	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31360	Xã Thạnh Xuân	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31366	Xã Châu Thành	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31369	Xã Đông Phước	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31378	Xã Phú Hữu	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31393	Xã Hòa An	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31396	Xã Hiệp Hưng	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31399	Xã Tân Bình	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31408	Xã Thạnh Hòa	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31411	Phường Đại Thành	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31420	Xã Phụng Hiệp	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31426	Xã Phương Bình	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31432	Xã Tân Phước Hưng	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31441	Xã Vị Thủy	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31453	Xã Vĩnh Thuận Đông	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31459	Xã Vĩnh Tường	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31465	Xã Vị Thanh 1	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31471	Phường Long Mỹ	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31473	Phường Long Bình	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31480	Phường Long Phú 1	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31489	Xã Vĩnh Viễn	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31492	Xã Lương Tâm	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31495	Xã Xà Phiên	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31507	Phường Sóc Trăng	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31510	Phường Phú Lợi	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31528	Xã Kế Sách	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31531	Xã An Lạc Thôn	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31537	Xã Phong Nẫm	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31540	Xã Thới An Hội	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31552	Xã Nhơn Mỹ	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31561	Xã Đại Hải	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31567	Xã Mỹ Tú	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31569	Xã Phú Tâm	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ

31570	Xã Hồ Đắc Kiện	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31579	Xã Long Hưng	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31582	Xã Thuận Hòa	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31591	Xã Mỹ Hương	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31594	Xã An Ninh	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31603	Xã Mỹ Phước	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31615	Xã An Thạnh	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31633	Xã Cù Lao Dung	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31639	Xã Long Phú	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31645	Xã Đại Ngãi	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31654	Xã Trường Khánh	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31666	Xã Tân Thạnh	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31673	Xã Trần Đề	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31675	Xã Liêu Tú	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31679	Xã Lịch Hội Thượng	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31684	Phường Mỹ Xuyên	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31687	Xã Tài Văn	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31699	Xã Thạnh Thới An	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31708	Xã Nhu Gia	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31717	Xã Hòa Tú	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31723	Xã Ngọc Tố	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31726	Xã Gia Hòa	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31732	Phường Ngã Năm	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31741	Xã Tân Long	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31753	Phường Mỹ Quới	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31756	Xã Phú Lộc	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31759	Xã Lâm Tân	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31777	Xã Vĩnh Lợi	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31783	Phường Vĩnh Châu	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31789	Phường Khánh Hòa	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31795	Xã Vĩnh Hải	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31804	Phường Vĩnh Phước	Phường	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31810	Xã Lai Hòa	Xã	Số: 1668/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	92	Thành phố Cần Thơ
31825	Phường Bạc Liêu	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31834	Phường Vĩnh Trạch	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31840	Phường Hiệp Thành	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31843	Xã Hồng Dân	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31849	Xã Ninh Quới	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31858	Xã Vĩnh Lộc	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31864	Xã Ninh Thạnh Lợi	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31867	Xã Phước Long	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31876	Xã Vĩnh Phước	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31882	Xã Vĩnh Thanh	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31885	Xã Phong Hiệp	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31891	Xã Hòa Bình	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31894	Xã Châu Thới	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31900	Xã Vĩnh Lợi	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31906	Xã Hưng Hội	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31918	Xã Vĩnh Mỹ	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31927	Xã Vĩnh Hậu	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31942	Phường Giá Rai	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31951	Phường Láng Tròn	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31957	Xã Phong Thạnh	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31972	Xã Gành Hào	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31975	Xã Đông Hải	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31985	Xã Long Điền	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau

31988	Xã An Trạch	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
31993	Xã Định Thành	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32002	Phường An Xuyên	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32014	Phường Lý Văn Lâm	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32025	Phường Tân Thành	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32041	Phường Hòa Thành	Phường	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32044	Xã Nguyễn Phích	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32047	Xã U Minh	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32059	Xã Khánh An	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32062	Xã Khánh Lâm	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32065	Xã Thới Bình	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32069	Xã Biển Bạch	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32071	Xã Trí Phải	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32083	Xã Tân Lộc	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32092	Xã Hồ Thị Kỷ	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32095	Xã Trần Văn Thời	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32098	Xã Sông Đốc	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32104	Xã Đá Bạc	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32110	Xã Khánh Bình	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32119	Xã Khánh Hưng	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32128	Xã Cái Nước	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32134	Xã Lương Thế Trân	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32137	Xã Tân Hưng	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32140	Xã Hưng Mỹ	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32152	Xã Đầm Dơi	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32155	Xã Tạ An Khương	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32161	Xã Trần Phán	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32167	Xã Tân Thuận	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32182	Xã Quách Phẩm	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32185	Xã Thanh Tùng	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32188	Xã Tân Tiến	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32191	Xã Năm Căn	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32201	Xã Đất Mới	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32206	Xã Tam Giang	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32212	Xã Cái Đôi Vàm	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32214	Xã Phú Mỹ	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32218	Xã Phú Tân	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32227	Xã Nguyễn Việt Khái	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32236	Xã Tân Ân	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32244	Xã Phan Ngọc Hiển	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau
32248	Xã Đất Mũi	Xã	Số: 1655/NQ-UBTVQH15; Ngày: 16/06/2025	96	Tỉnh Cà Mau